

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-đình-Bính

Chánh chủ-bút : Phan-chung-Thứ
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ-bút : Dương-văn-Hiền
Sư cụ chùa Tể-Cát

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

PH. VN
VAN HANH
SDK

	Số trang
Đạo Phật là đạo rộng (tiếp theo và hết).	3-15
Lược về sách Khóa-hư (tiếp theo)	15-19
Tinh thần bất hủ của Phồ-trinh Hòa-thượng	19-27
Bài điếu văn cụ Phồ-trinh	28-33
Phương danh các vị Việt-kiều ở Vientiane cùng tiền công đức làm chùa Trung-ương	33
Trương trình lễ nghi dịp tết Trung-nguyên	34
Cô con gái Phật hái dâu (tiếp theo)	35-38
Thời sự.	39-42

Trung-hoa dân-quốc

*Trận Âu-chiến 1914 còn ly-kỳ oanh-liệt gấp
mười trận Trung Nhật ngày nay, ở trong có
đầy đầy những sự ly-kỳ bi-hiễm, chẳng khác
thuật ma phép thánh của những tay trình thám
dại tài trên thế-giới. Độc-giả thử đọc Đông-Tây
từ Juin trở đi sẽ say sưa hứng thú về khoa học
chiến tranh siêu phàm của giống Nhật-nhĩ-Nam
đăng ở tập Trung-hoa Dân-quốc.*

*Đông Tây báo mỗi số 0\$04
6 tháng 2\$00. 1 năm 3\$80*

Tòa soạn :

N° 17, Francis Garnier — Hanoi

GIẤY NÓI

Số 836 : Cụ Chánh Hội-trưởng, Thái-hà-ấp.

Số 832 : Nhà in Đ. T. chùa Quán-sứ, số 73 Richaud Hanoi

ĐẠO PHẬT LÀ ĐẠO RỘNG

Bài diễn văn của ông Nguyễn-duy-Đại
Thông phán Bắc Ninh

(tiếp theo và hết)

Vì phạm-vi bài này không cho phép tôi được đọc cá-những bài tôi được biết, nên tôi chỉ lục ra đây những đoạn văn ta thường nghe thấy, mà theo thiển ý tôi cũng là những đoạn văn rất hay.

Cụ Nguyễn-giác-Hải, một vị cao-tăng mà ta rất tôn sùng, có câu kệ rằng :

« 春來花蝶善知時, 花蝶應湏便應期.

« 花蝶本來皆是幻, 莫將花蝶問心持.

Nghĩa là :

Có xuân, có bướm có hoa,

Bướm hoa gặp lúc sinh ra tự giời ;

Bướm hoa cũng ảo mà thôi,

Tội gì hoa bướm, dễ khơi nổi lòng.

Đọc bốn câu ấy ta thấy có một cái ý-nghĩa hồn-nhiên man-mác, chẳng khác gì câu « 風來疎竹風去而竹不留聲 鴈過寒潭鴈去而潭無留影 ».

Nghĩa là :

Gió đưa cánh trúc la-dà,

Gió qua, trúc giữ gió mà làm chi !

Trên đầm, chiếc nhạn bay đi

Đầm lưu bóng nhạn làm chi cho phiền

Câu sau này ta thường thấy treo trên vách nhà nhỏ, đề tỏ tấm lòng tự-nhiên không bôn-su, không cầu cạnh của các bậc ấy. Bông hoa, con bướm ; tiếng gió, bông chim ; tự nhiên lúc có thì có, lúc không có thì cầu cũng chẳng được. Hồn-nhiên vậy thay những ý-tưởng ấy.

Lã-tổ-sur giảng-đàn có 32 bài kệ. Bài thứ ba rằng :

« 迅速光陰不可留, 年年只見水東流.

« 不信謔把青菱照, 昔日朱顏今白頭.

Nghĩa là :

Thì giờ đi, giữ được sao,

Năm năm, chỉ thấy nước dào về Đông ;

Chẳng tin, hãy lấy gương trông,

Ngày xưa cậu bé, nay ông lão rồi !

Độc bốn câu ấy, ta cũng có một cảm-giác với khi ta đọc câu :

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy chốc,

Cảnh phù-du trông thấy những buồn cười !

Hay bốn câu này mà ta thấy trong bài « Tương tiến tửu 將進酒 » của thi-sĩ Lý-Thái-Bạch bên Tàu :

« 君不見黃河之水天上來奔流到海不復回,

« 又不見高堂明鏡悲白髮朝如青絲暮如雪.

Nghĩa là :

Người chẳng thấy, Hoàng-hà đầy-dẫy,

Tự trên gòì nước chảy xuống sông ;

Xuống sông nước lại thuận giòng,

Chảy ra Đông-Hải nhưng không về nào ?

Lại chẳng thấy, nhà cao gương sáng,

Ấy ai vì tóc trắng lòng đau ?

Sớm còn mớ tóc như rau,

Thần ơi ! chiều đã một màu tuyết pha.

Cái cảm-giác ấy thế nào ? Có phải nó tỏ cho ta rõ cái vô-hạn cảm-khai của tác-giả trước sự vi-vút của quang-âm, sự ngẫu-ngũ của đời người, cái đời mà một thi-sĩ Pháp đã ví với một bông hoa, sớm nở tối tàn, khiêu người trông thấy mà tan-nát lòng !

Cảnh nhà chùa có một vẻ u-lych thanh-nhân, hình như ai đến đây, cũng thấy trần tâm có thể chút sạch đi được. Bởi vậy, tuy gặp cảnh muối" rủa khô hạnh mặc dầu, nhiều người vì cảnh ngộ ùng chán lúc lấy mùi thuyền làm thêm, làm muốn. Ấy cũng vì thế, người cung nữ ở trong Cung-Oán ngâm-khúc, phải thốt lên những câu rằng :

Lấy gió mát giăng thanh kết nghã,

Mượn hoa Đàm đước-tuệ làm duyên,

Thoát-trần một gót thiên-nhiên,

Cái thân ngoại vật là tiên trong đời !

Nhưng đây chỉ là bất đắc ý mà thêm mà muốn cảnh thuyền. Còn có chán cảnh chùa, oan nước mê người, cỏ hoa thích trí, khiến tao nhân mặc-khách, đứng trước cảnh trêu-b-vênh hùng-tráng, không thể không bồn thơ lai-lãng, mà phát xuất những câu bất tử, như hai câu này của cụ Vũ-Phạm Hàm trong bài Hương-sơn-bành :

« 瀑布溪流山亦雨, 人聲谷應石能言.

Nghĩa là :

Đá cũng tuôn mưa, khe nước réo :

Núi hay đáp khách, tiếng người vang.

Hay những bài vịnh chùa Hương sau này chẳng hạn, của cụ Chu-mạnh-Trich :

Bầu giời cảnh bụi,

Thủ Hương-sơn ao-ước bấy lâu nay.

Kla non non, nước nước, mây mây,

Đệ-nhất-động, hỏi là đây có phải ?

Thỏ-thẻ rừng mơ chim cùng trái,

Lững-lờ khe nước cá nghe kinh.

Thoảng bên tai một tiếng chầy kinh,
 Khách lang-hải giật mình trong giấc mộng.
 Nay suối Giải-oan, nay chùa Cửa-võng này hang
 Phật-tịch, nay động Thuyết-quynh.

Nhạc trông lên ai khéo hát hình,
 Đá ngũ sắc long-lanh ngự gấm dệt.

Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
 Gập-ghenh mấy lối ngắt thang mây.

Ý giảng-san còn đợi ai đây,
 Hay tạo-hóa đã ra tay xếp-dặt ?

Lần tràng hạt niệm Nam-mô Phật,
 Cửa từ-bi, công-đức biết bao !

Càng trông phong cảnh, càng yêu.

Thưa các ngài, mấy cái thi du tôi kẻ ra đó, thiết tưởng cũng đủ tỏ cho ta biết rằng trong Phật-giáo cũng có vầu-chương, mà cảnh Phật cũng là một nguồn văn thơ rất có giá-trị.

VI — Phương diện mỹ thuật

Theo các nhà khảo-cổ-học, thì sự Ấn-độ, nơi xuất-sứ của Phật-giáo, do Phật giáo cùng những tôn-giáo đã có trước lúc xuất-hiện ra Phật-giáo, đã đào-tạo ra được một thế-giới riêng, từ tinh-thần đến hình-thức. Hình-thức đây là gồm cả mỹ-thuật. Xét lịch-sử mỹ-thuật của Á-Đông, thì từ hội-họa, điêu-khắc đến kiến-rúc nhất nhất cái gì cũng chịu một phần ảnh-hưởng lớn của đạo Phật. Trong các động bên Ấn-đó, bên Tàu, bên Nhật, bên ta, bây giờ nhiều nơi còn giữ được những bức tranh khảm vào mặt đá, những pho tượng đá ; tuy chải qua mưa nắng đã nhiều, mà vẫn chưa nhòa, chưa hỏng. Riêng một sự-tích đức Phật tổ cũng đã tạo ra được bao nhiêu bức tranh có giá trị, pho tượng rất kỳ sảo, hiện bây giờ các viện bảo-tàng còn trữ được.

Vấn-đề chỉnh đôn phục sức của Tăng giới Bắc - kỳ

Xương lên một thuyết gì, cải cách một vấn đề gì muốn thi hành cho hoàn toàn ngay thật là một sự rất khó. Khó vì lập quán, vì số chấp, vì không tự trọng, vì không chịu xuy xét, vì không thức thời vụ, không nhận rõ cái địa vị, tư cách và phẩm giá trong địa vị của nó, vì thế mà cái thanh giá cái linh thần của nó có hay đến đâu, cũng bị ảnh hưởng đó mà liêu trầm mai một đi.

Đối với Phật-giáo ở xứ ta hiện nay chỉnh đôn đương đứng vào thời kỳ khó khăn đó, về phần tinh thần giáo lý cực kỳ cao siêu huyền diệu, đúng ích cho nhân tâm thế đạo rất có hiệu lực từ xưa đến nay, không khuyết điểm từ chỗ lỗ chức cho chí cách cư xử hãy còn sơ sài đơn giản quá, thành ra mất cả trật tự qui củ, để đến nỗi có nhiều người thức-giả đã phải phàn nàn về các lễ kệ trên, vì nên mới có phong trào chấn hưng Phật-giáo nổi lên, ai nấy đều cùng vui lòng xu hướng tán thành mong một ngày kia đạt tới mục đích, công chúng đều được trông thấy công cuộc kết quả mỹ mãn từ hình thức cho chí tinh thần.

Nhất là vấn đề chỉnh đôn Tăng già, chỉnh đôn chùa chiền, chỉnh đôn sự cúng lễ, chỉnh đôn cách phục sức của chư tăng sao cho hợp đạo, cho người ngoài trông thấy biết rõ trật tự, biết rõ chân giả, đều là những vấn đề cần thiết trong việc chấn-hưng. Ngay xin nói riêng về vấn-đề cần nên chỉnh đôn ngay cách phục-sức các vị Tăng, Ny, mà kỳ hội-đồng hôm mồng 10 tháng tư vừa rồi đã bàn đến, đã dự định như sau đây :

Nhất luật bỏ hẳn khăn, từ nay Chư Tăng đội mũ

Liên-hoa trên có Huy-chương đề phân biệt Thượng, Trung, Hạ tọa, Huy chương theo với áo pháp (cà-sa) Sa-di cũng theo áo pháp của Sa-di. Còn các Hình-dồng (người mới xuất gia chưa thụ giới) đội mũ trơn Bên Ny-giới đội mũ Nỳ huy hiệu cũng theo như bên Tăng.

Áo mặc trong khi hội họp đối với công chúng, khi đi đường, đều mặc áo Tráng-vạt, cả mũ cả áo đều dùng màu đen, toàn bằng vải chừ không được dùng tơ lụa vì không hợp đạo trong các kinh luật Phật đều cấm ngặt. Dày di cũng dùng vải, ó cũng thế, đây là chỉ cái cách có những phục sức thường dùng chừ còn như áo pháp (cà-sa) thì vẫn theo nguyên như trước không thay đổi. Bởi vì khi đức Thích-Ca còn hiện tại ngài đã chế ra đủ các giới luật rất nghiêm cần, cách tổ chức rất chu đáo, trong hàng tin đồ chia ra làm hai phái: 1. Xuất-gia 2. Tại-gia, trong phái xuất-gia lại chia ra làm năm bậc: 1. Tỷ-khiêu, 2. Tỷ-khiêu ny 3. Thrice-soa (người trên bậc Sa-di dưới hàng Tỷ-khiêu ny) 4. Sa-di, 5. Sa-di ny áo mặc đều có phẩm trật khác nhau như các vị Tỷ-khiêu có ba tấm áo Cà-sa:

1. - 5 điều mặc thường trong mình;
2. - 7 điều mặc để tụng kinh, lễ bái và Tọa-thuyến,
3. - 9 điều hoặc 25 điều (Đại y) mặc để lên tòa thuyết pháp hay vào cung vua, đi khất thực v. v.

Sa-di chỉ được mặc một tấm không có điều cách chỉ hết gọi là cà-sa mạn. Khuôn khổ rộng hẹp vẫn dài cách thừc may như thế nào ở trong bộ Đại-luật, bộ luật Tứ-phận và các luật đều dạy rất kỹ càng, theo trong các luật đều cho mặc ba màu: Xanh, đen, và màu mộc-lau (nhôm nhuộm như màu đỏ) nói tóm lại là phải hủy hoại 5 sắc chính mà người thế tục thường dùng để trang điểm, nên áo Cà-sa thường gọi là áo Hoại-sắc, người đã xuất-gia tu đạo thân tâm đều khác hẳn với người cõi tục, chừ nếu còn ăn mặc cũng như người thế tục tức là không đúng.

Hiện nay ở Ấn-độ, Diến-điện, Tích-lan, Xiêm-la, Ai-

lao, Cao-miền, các chư Tăng vẫn còn theo đúng như thế nên ai trông thấy đều nhận rõ ngay là người xuất-gia, khởi tâm cung kính cúng dàng lễ bái. Còn ở xứ ta vì theo cách thức qui củ ở Tàu. Khi đạo Phật mới truyền vào cũng theo như Ấn-độ song vì ở Tàu là xứ lạnh mà mặc áo để hở một bên vai không tiện. Đến đời nhà Ngụy trong cung vua thường thỉnh chư tăng vào thuyết pháp thấy chư Tăng mặc áo để hở vai mới chẻ thêm áo mặc trong gọi là áo Thiên-xam 偏衫 mặc lót trong để che kín cả hai vai.

Cách may tay rộng cổ tràng-vạt cả và vạt con, đứng trước quanh lại giáp với sau lưng, vạt cả dằng sau che phủ chỗ giáp đó trong luật nói : « tu khai hậu phùng phương hợp nguyên thức 開溷後縫方合元式, Nghĩa là : may hai đường giáp nhau ở sau mới đúng phép, áo này mặc vào coi rất uy nghiêm, từ đó về sau các áo mặc thường đều theo kiểu ấy cả, áo Cà-sa chỉ để khi làm lễ khi thuyết pháp, khi tọa thiền mới mặc lớn hầu lên là lễ phục chứ không mặc thường như các nước theo tiêu thừa nữa, ở nước ta cũng theo Tàu, trước kia cũng đều mặc áo tràng vạt theo như các sư Tàu, mà ở Trung Nam kỳ hiện nay các sư cũng vẫn còn mặc đúng như thế. không hiểu tại sao ở xứ ta gần đây tự nhiên lại đổi lại may hẹp tay, cái cúc cổ cũng như áo của người tại gia, mà vị thì mặc vải, vị mặc lụa, vị mặc mùi nâu, vị mặc mùi đen v. v. không nhất định, không có chi là phân biệt trật tự. Vì thế mà nay cần phải sửa đổi cho hợp thức, cho có trật tự, cho được trang nghiêm, vậy chắc vị nào có lòng nghĩ đến tiền đồ Phật-giáo, đến hậu vận tăng già, đến nhân tâm thế đạo. Vui lòng tán thành, có ý kiến gì hơn, có phương pháp gì thì thành cho chóng đạt tới mục đích, cho sự cải cách chóng thực-hiện, cho hạt châu mắt cá rõ ràng, vàng thau khỏi lẫn, xin bày tỏ cho, để công chúng cùng rõ. **Tri-Hải**

Luận về sách Khóa-hư

(tiếp theo)

Vậy đem sách Khóa-hư chia ra từng phần mà xem như sau này :

1. Nội dung. — Khóa-hư là một tập có nhiều bài văn linh-tinh hợp lại. Là một quyển sách khuyến-hóa về những sự tu-hành, sám-hối, thông dụng cho cả xuất-gia, tại-gia.

Có hai quyển. Quyển trên có 20 bài là :

Bài tứ-sơn 四山 nói về bốn cái núi : Sinh, lão, bệnh, tử.

Bài Phả-khuyến sắc-thân 普勸色身, khuyên khắp kẻ có cái thân xác thịt phải tu đạo.

Bài khuyến phát-tâm 勸發心文, khuyên người đời phát tâm làm thiện.

Năm bài về Ngũ giới : Giới sát, giới tửu, giới sắc, giới đạo và giới vọng-ngữ.

Bài giới, định, tuệ luận 戒定慧論, bàn về ba phép giới, định và tuệ.

Bài tựa sách Kim-cương tam-muội kinh 金剛三昧經.

Bài tựa sách Thiên-tông chỉ nam 禪宗指南序 và bài Bạt-hậu 跋後.

Quyển dưới có 6 bài sám-hối về sáu giờ trong một ngày đêm.

Văn-thê trong sách Khóa-hư đủ cả văn xuôi văn hiển-ngẫu và văn vần (kệ). Quyển dưới thuần là văn dạy về sự tu-hành lễ bái. Mỗi bài lại có một đoạn khải-bạch tả cái cảnh của một cái thời-gian trong sáu giờ khi làm lễ. Toàn là lời văn có thi-vị đẹp đẽ. sẽ trích dịch ở đoạn cuối bài này.

Còn quyển trên có nhiều bài lý-thuyết có giá-trị,

Về phương-diện kiến-trúc, thì ở Á-đông bây giờ, còn rất nhiều lâu-đài hùng-trang nguy-nga. Chẳng cứ gì bên Âu-dộ, mới có những ngôi chùa đẹp-đẽ ; chẳng cứ gì bên Tàu bên Nhật mới có những Phật-điện oai-nghiêm. Ở nước ta có nhiều nơi, công xây dựng cũng không phải là bé nhỏ. Nay ta cứ đi xuôt từ Bắc chí Nam mà xem, thì ta sẽ thấy có rất nhiều nơi, cảnh chùa rất là to-tát lộng-lấy. Những ngôi chùa ấy chính là những công-trình tuyệt-sảo về tôn-giáo, nó đã làm cho bao người ngoại-quốc, phải cúi đầu khâm-phục cái tài-khéo-léo của mình, cái lòng tôn-sùng tôn-giáo của mình và nhất là nó đã làm cho non-sông đất nước mình có cái vẻ đặc-sắc riêng, không đâu có thể có được. Cái vẻ đặc-sắc ấy, tuy hiện nay có bị ảnh-hưởng mới đôi chút, nhưng vẫn chưa có thể mất được. Bởi thế, đứng trước một bức tranh họa một ngôi chùa ta có thể nói ngay là ở bên Tàu hay ở bên ta được. Trường mỹ-thuật Hanoi, hiện bây giờ đang tìm cách duy-trì cái đặc-sắc ấy, nên chân nhà jam theo lời mời ở Hanoi, ta trông vẫn không mất những đường lối của sự kiến-trúc ngày xưa, do Phật-giáo đã tạo ra.

VII. - Phương diện Khoa học

Đọc sự tích chùa Ba, ngay ở quãng đầu, ta thấy có câu :

Thần-thống nghìn mắt nghìn tay,

Cũng trong một đêm linh-dài hòa ra.

Đọc kinh Quan-thế Âm ta thấy có câu : « 火 燭 不 能 傷 刀 兵 立 摧 折 望 怒 生 歡 喜 死 者 變 成 活 ». nghĩa là : « Lửa cháy chẳng đau, đao binh gãy nát, dầu dũ nên vui, chết cho sống lại ». Tựaợc kia, tôi chẳng nghe ra sao cả ; chỉ cho là những câu nói khoaác mà thôi, người di chuyờn-giáo cõi lấy những sự hiệu-nghiệm viờn-võng, để sui người theo đợc.

không có gì là căn-cứ cả. Nhưng sau nghĩ cho kỹ ra, đem những sự màu-nhiệm của nhà Phật so-sánh với những sự màu-nhiệm của khoa-học, tôi thấy có nhiều sự tương hợp lạ lùng. Sự tương-hợp ấy khiến tôi phải tò-mò mà tự hỏi tôi rằng : Cái gì mà đo một điềm lại có thể sinh ra năng-lực như nghìn mắt nghìn tay được ? Cái gì mà lửa không hại, đao bích không phạm được, buồn dận hóa ra vui-vẻ, mà chết đi lại cho sống lại được ? Tự hỏi rồi tôi lại tự đáp rằng : ở đời, có lẽ không sự gì mạnh bằng điện. Phải, chỉ có điện mới có những năng-lực lạ-lùng vừa nói trên này. Vậy thì Phật là gì ? Là điện chăng ? Chẳng phải là điện, thì sao lại có những câu như : « quang minh chiếu thập phương » (光明照十方) ; « vô lượng quang minh » (無量光明) . Vậy thì điện có thể có, Phật cũng có thể có được. Phật là điện, điện là Phật. Biết đâu sự dự-đoán ngóng-cuồng của tôi lại không có ngày thành ra sự thực ?

Đọc bộ Âm-Băng, tôi thấy Lương-Khải-Siêu tiên-sinh là một nhà danh-sĩ bên Tàu ví thuyết nhân-quả luân hồi với cái máy đánh giầy thép. Ông nói rằng : trong một cái máy đánh giầy thép có ba bộ phận : 1. máy phát điện ; 2. máy thu điện ; 3. giầy thép nối hai cái máy ấy lại làm một. Muốn đánh giầy thép thường thường người ta lấy những nét ngang ngắn, dài, làm biểu ở máy phát-điện mà ấn một nét ngang dài ; thì điện chuyển qua đường giầy sang bên máy thu điện, mà máy thu điện sẽ nhận được một nét ngang dài, nếu bên này là một nét ngang ngắn, thì bên kia cũng nhận được nét ngang ngắn. Bấy giờ nếu ta cho cái máy thu-điện là kiếp trước của người, cái máy phát-điện là kiếp sau, những nét ngang ngắn ngang dài ở hai cái máy là thiện-nhân, ác-nhân và thiện-quả, ác-quả, thì ta thấy cái thuyết nhân-quả luân-hồi dễ hiểu lắm. Có phải rõ ràng là làm thiện ở kiếp

ly thì kiếp sau được thiện-báo, làm ác ở kiếp này thì ếp sau chịu ác-báo không? Các người thế nào, chứ i, thì tôi cho thuyết pháp qua tuấn-hỏi có thể lấy hoa-học mà giải-thích một cách rõ-rệt được không. iết tôi theo ông Âm-Băng có khỏi nhầm không?

Độc kinh Phật ta thường th^h, có hai chữ sắc, không. Thế nào là sắc, mà thế nào là không? Bảo rằng sắc là có, mà không là không có thì có lẽ không được hẳn đúng, vì nếu thế sao lại có thể nói được rằng: « sắc ấy là không, không ấy là sắc »? Theo khoa-học thì chữ sắc có liên-lạc với quang-học. Tôi bèn tìm những bài nói về các cuộc thí-nghiệm của quang-học, thì tôi thấy hai chữ sắc, không có thể cất nghĩa bằng cuộc thí nghiệm của ông Newton, là một nhà bác học trú-danh bên tây-phương. Cuộc thí nghiệm ấy như sau này: người ta lấy một cái bia hay một tờ giấy cứng, cắt lấy một hình tròn. Dưa trung-tâm-điểm của hình tròn, cắm một cái chốt; hình tròn có thể xoay nhanh xung-quanh chốt ấy được. Trên mặt hình tròn, người ta đem chia ra làm bảy phần đều nhau do những đường thẳng kéo từ trung-tâm-điểm đến rìa vòng tròn. Trên mặt bảy phần ấy, người ta tô bảy màu, theo thứ tự những màu mà người ta thấy ở những cầu-vồng mọc lúc giới nửa nắng nửa mưa. Thế rồi, nếu đem quay thật mạnh cái hình tròn cho nó quay thật nhanh chung-quanh cái chốt ta sẽ thấy những màu kia mất đi, bay hợp cả lại mà thành một màu trắng.

Ồ hay! sao mà lạ thế nhỉ? Đem chộn các màu lại, lại thành ra một màu trắng, thế ra trong màu trắng có đủ bảy màu à? Vậy thì còn gì nữa: sắc đấy mà không thấy Đấng với sự kinh-nghiệm của nhà Phật rồi! Nhưng không biết có phải vì sự kinh-nghiệm ấy mà đức Phật-tổ đã nói ra câu sắc tức thị không, một câu có hai ý rất là mâu-thuẫn, nhưng rút cục có

một cái triết-lý rất tinh vi huyền diệu, ai đã đề ý tìm xét cũng phải phục là tri-lý.

Thưa các ngài, những thí-du tôi kể trên đều là sự so-sánh khoa-học với Phật-học. Tuy hiện thời nó chỉ là sự so sánh mà thôi. Nhưng tựu-chung nó có nhiều lẽ đáng nên chú ý, vì những lẽ ấy đều hợp với sự thực cả. Nếu ta đề tâm xét kỹ, đem những việc thí-nghiệm khác trong khoa-học, đối-chiếu với những lời thuyết-pháp của đức Phật, thì biết đâu không còn chán điều phù hợp với nhau. Thế mà khi khoa-học với Phật-học đã có rất nhiều sự phù-hợp với nhau, thì khoa-học là sự thực, biết đâu Phật-học lại không phải là một khoa chuyên-môn đi đến sự thực?

VIII. - Phương diện Xã-hội

Đứng về phương-diện xã-hội, Phật-giáo có ảnh-hưởng rất lớn. Trong kinh Phật có nói rằng « tự giác giác tha » (自覺覺他), nghĩa là mình tu đến nơi đến chốn rồi, lấy sự giác-ngộ của mình mà giác-ngộ cho người đời. Lời nói mới quảng-dại làm sao! Sự quảng-dại ấy chân thành lắm. Vì đức Phật còn nói rằng : « nếu trong bọn chúng sinh, có kẻ nào không thành Phật, thì ta thề chẳng thành Phật ». Ấy cũng bởi câu nói như vậy, cho nên đạo Phật hiền-nhiên là một đạo từ-bi bác-ái. Bất cứ ở nơi nào, bất cứ là lúc nào, ta đều thấy sự từ-bi bác-ái ấy hiện ra trong sự hành-vi của Phật-Tổ.

Muốn chứng lời nói ấy, đây tôi xin đọc mấy lời kệ của đức Thế-tôn dạy Thiện-Sinh để các ngài cùng nghe :

Ngăn-ngừa điều ác cho nhau,

Giữ lòng từ-mẫn trước sau không đời.

Lo làm lợi ích cho người,

Đem thân đem của giúp đời tiếc chi.

Những người tri-giả nên suy,

Thân nhau như thể ta thì nên thân ;

Đã thân chẳng kể xa gần,
 Như lòng từ-mẫu ân-cần các con
 Tình thân muốn mãi-mãi còn,
 Phải nên gìn giữ sát son một niềm :
 Bốn điều thân ấy chu-tuyên,
 Quang-minh như ngọn lửa đem soi đời.

Tu lấy mình cho đến nơi vô-lượng quang-minh, rồi đem cái sở-đắc mà hóa cho chúng-sinh, hóa bằng một cách hỷ-sả từ-bi, thì cái nghĩa rộng yêu của nhà Phật quang-minh chính-đại còn gì hơn được nữa, ai thấy mà chẳng phải thân phụng ngưỡng-mộ.

Nhưng bác ái không cũng chưa đủ. Cần phải bình đẳng mới được. Đức Phật coi ai cũng như ai, từ giống vi-trùng lẫn trong đám vi-trần cho đến loài người khôn-khéo, ngài đều coi như nhau cả. Đã coi ai cũng như ai mà lại sẵn lòng bác-ái, bác-ái một cách thành-thực, nên ngài muốn ai nấy đều thành Phật cả. Bởi thế trong kinh Kim-cương có câu : « Nhất thiết trong các loài chúng sinh, hoặc sinh bằng thai, hoặc sinh ở chỗ âm-thấp, hoặc hóa-sinh, hoặc có tư-tưởng, không có tư-tưởng, hoặc không phải là có tư-tưởng, hoặc không phải là không tư-tưởng, ta đều cho vào nơi vô dư Nát-hàn, mà duyệt độ cả ». Theo như lời nói ấy, thì có phải đức Phật không phân đẳng hạng trong các loài chúng sinh, mà bất cứ loài nào, ngài cũng muốn cho có địa-vị như ngài không ?

Thưa các ngài, trên đây là tôi tóm lại mà nói về đại-tiết của mục-dịch Phật-giáo về phương-diện xã-hội. Nhưng nếu Phật-giáo chỉ gồm có những cái đại-tiết mơ-màng thì người ta khó theo hoặc vì khó hiểu, hoặc vì không hiểu. Bởi vậy trong 40 năm đi thuyết pháp, đức Thế-tôn không bỏ sót một việc gì

là không nói đến, dù là việc nhỏ-mọn tâm-thường mặc lòng. Những sự nhỏ mọn tâm thường ấy thế nào ? Đây tôi xin chứng dẫn một lời kệ của ngài khi dạy Thiện-sinh.

Họ hàng kẻ thuộc người quen,
 Đem điều ích-lợi chu tuyền khắp nơi ;
 Dưới hòa trên thuận yền vui,
 Tiếng lành đồn khắp muôn người tán dương.
 Sao cho nghề nghiệp đổi dung,
 Mới mong tài sản mở mang sau này.
 Tài sản khi đã đến tay,
 Phải nên gìn giữ cho ngày thêm ra ;
 Tiêu sài chớ có xa-hoa,
 Tù theo phong-kiệm thói nhà khi xưa.
 Tránh xa những bọn dối lừa,
 Dù mà van vãn, chớ thừa cho tiêu.
 Đồng tiền góp nhặt chắt chiu,
 Như đàn ong nọ sớm chiều hút hoa ;
 Tài nguyên khởi động dần ra,
 Trọn đời chẳng bị nổi sa-sút dần....

Bài kệ trên này còn dài, đại để cũng một dạng tỷ-mỹ như thế cả. Dạy người cần-kiệm, nói như thế kẻ cũng đã hết điều, thiết tưởng có thể dùng làm bài học ban đầu trong kinh-tế-học được.

Như trên kia tôi đã nói, sự tỷ-mỹ ấy rất cần.

Minh là kẻ sĩ, nếu biết theo sự tỷ-mỹ ấy mà tu, thì minh sẽ rõ rằng sự học-vấn không phải chỉ đem lại cho mình những mảnh vàng, làm bậc thang cho mình - đến chỗ vinh-thân phi-gia ; minh sẽ rõ rằng sự học-vấn ấy phải đem ra mà ứng-dụng một cách nhân-đạo hợp-lý để có thể có ích cho nhân-quần cho xã-hội.

Mình là người làm ruộng, làm thợ đi buôn, nếu biết theo sự lý-mỹ ấy mà tu, thì mình sẽ rõ rằng những sự lừa-lạc dối trá, ngu sớng dầy chưa vãn vãn, không phải là những điều-kiện chính-đáng để đến nơi tử tế suông suông ; mình sẽ rõ rằng, cũng như người đi học, mình cũng có một cái trách-nhiệm nặng-nề trong sự tiến-hóa của chúng tộc, của nhân loại.

Mình là người xuất gia, nếu biết theo sự lý-mỹ ấy mà tu hành, thì mình sẽ rõ rằng, cũng như các giáo-sĩ ở các tôn-giáo khác, mình cũng có cái trách-nhiệm rất nặng-nề trong việc chuyển-giáo hóa-dân ; mình sẽ rõ rằng, nếu chăm chỉ tinh-tiến, mình cũng có thể trở nên những bậc hiền triết trong tăng-giới như cụ Lã-tổ hay cụ Mộc-soa dề-bà vãn vãn.

Nói tóm lại, thì xã-hội là gì ? Có phải là một mớ cá nhân hợp lại mà thành ra không ? Nếu ai cũng một lòng tu-tỉnh tự coi mình như một cái đinh ốc hay một cái bánh-xe trong cái máy đồng-hồ xã-hội, rồi lại đứng lấy nề rằng : có cô thì chợ cũng đông, có đi lấy chồng thì chợ cũng vui, thì cá-nhân đã hoàn-toàn, làm chi mà xã-hội lại không được mười phần thịnh-vương ?

Thưa các-ngài,

Những điều tôi vừa kể qua thiết tưởng cũng đủ chứng nghĩa chữ RỘNG của đạo Phật. Phật-giáo đã rộng, nghĩa là đủ vẻ như vậy, chẳng phải nói, các ngài cũng biết rằng ta cần phải theo. Muốn theo đạo Phật, cần nhất phải tu. Nhưng tu thế nào, đó là điều mà tôi đem bàn đây, để kết-thúc cho câu chuyện này.

Theo thiền-ý tôi, thì tu là làm lành, hay là làm theo lẽ phải. Lẽ phải có một, thì đường tu cũng

chỉ có một mà thôi. Ta đừng nên tưởng rằng chỉ cứ tụng kinh niệm Phật đã là tu đâu. Tu là nghĩ điều thiện, làm điều thiện ; không nên bụng nghĩ một đường, tay làm một nẻo. Tụng kinh niệm Phật, tuy là cần, vì nó dùng để nhắc cho ta biết là lúc nào ta cũng phải ăn ở theo lẽ-phải, nhưng cần nhất là phải làm lành trong khi mình tìm xét cho thấu-đáo cái giáo-lý của nhà Phật, hay nói nôm là hiểu đạo Phật. Theo đạo mà không hiểu đạo nó dễ lạc vào con đường mê-tin ; mà đã mê tin, thì đi tu vì với không tu khác gì !

Nhân tiện đây, tôi xin kể một câu chuyện tuy có vẻ hai-ước đôi chút, nhưng ở trong có nhiều sự thực, có thể giúp ích cho những ai có lòng chân thành quy y Phật-pháp.

Có một người rất lòng mộ đạo Phật, ngay đêm tụng kinh không ngủ. Có một điều đáng phân-nâu, là mỗi khi tụng chỉ đem kinh Ngũ-bách-danh ra mà đọc đi đọc lại thôi. Ngoài ra không hiểu thế nào là tam-quy, thế nào là ngũ-giới, thế nào là bát-nhã-ba-la-mật, mà thế nào là tam-diệu-tam-bồ-đề. Bạn hữu có người hiểu đôi chút về đạo Phật, khuyên ông ta nên tin mà hiểu đạo hơn là tụng kinh mà không hiểu nghĩa kinh ; nhưng ông ta không nghe. Muốn cho ông ta một bài học, người bạn liền nghĩ ra một kế. Một hôm đến chơi, thấy ông ta đang tụng niệm ôm tởi, liền cứ đọc tên cúng-cơm ông ta ra gọi mãi. Gọi mãi, gọi mãi, ông ta càng thưa, người bạn lại càng gọi. Sau ông ta phải quát câu lên. Bấy giờ người bạn mới phì cười mà đáp rằng : « Đấy bác xem, nếu tôi cứ nhè tên bác mà gọi mãi, gọi mãi dù bác đã thưa rồi mặc lòng, thì phỏng bác có dạn không ? Phật cũng vậy. Bác gọi ngài, ngài đã thưa rồi. Nay bác gọi, mai bác gọi, gọi mà không nói gì moi chết người ta chứ ! như thế thì tôi thiết tưởng Ngài từ-bi quảng-đại đến đâu Ngài cũng phải bắt mẩu với bác. Thế

mà ngài lại ở trên đầu trên cổ biết bao nhiêu người. Nếu ai cũng như bác, thì có lẽ Ngài cả ngày chỉ bưng bân thua gửi, mà không còn làm được công việc gì nữa. Vậy thì này, bác ạ ! Bác nên tụng kinh, nghĩa là gọi Ngài, ít ít chút. Nên tìm mà hiểu đạo của Ngài còn hơn. Tu là tìm lẽ phải, hiểu lẽ phải. Chỉ tụng kinh mà không hiểu đạo chẳng ích gì đâu ».

Câu chuyện này xuất-sử ở đâu tôi không được rõ ; nhưng dù thực hay hư, cũng là câu chuyện có thể có được Có hay không, cái đó chẳng quan-hệ gì cho ta mấy. Quan-bệ cho ta chỉ là ở chỗ này : ta theo đạo Phật ta phải tu. Tu là tu-lĩnh lấy mình, mong lúc sống giúp ích cho đời, lúc hai tay buông xuôi, sẽ được lên chốn Nát-Bàn hay là Cực-Lạc. Muốn được thế, phải tìm mà hiểu giáo-lý của nhà Phật. Hiểu đạo Phật mà theo, tức người ta gọi là trí-tin. Có trí-tin mới có hy-vọng siêu thăng. Ta đừng nên tưởng rằng cứ vừa tụng kinh vừa làm liều cũng thành chính quả được đâu. Vì nếu cứ thế, thì ai chả tụng kinh, mà ai chả thành Phật.

Nam-mô A-di-Đà Phật

Nguyễn - Duy - Đại

Luận về sách Khóa-hư

(tiếp theo)

« Bấy giờ đi theo Trẫm chỉ có độ bảy tám người, giờ hội đêm ấy, một mình Trẫm cưỡi ngựa đi thăm cùng bọn theo hầu ấy. Song qua đó Giang-đông rồi, Trẫm mới bảo thực cho bọn theo hầu ấy biết, thì họ đều kinh ngạc và giở nước mắt khóc. Sáng mai giờ mễo thì đi đến bến đò Phá-lại sông Đại-than 大灘. Sơ

người ta biết chẳng. Trẫm phải lấy vật áo che mặt mà sang dò ».

« Qua dò rồi thì đi đường núi, tới trưa vào nghỉ ở chùa của một vị sư là Giác hạnh. Sáng mai ra đi, trèo đèo lặn suối, mà suối thì thẳm, đèo thì cao, sau ngựa mỗi không đi được nữa. Trẫm phải bỏ ngựa rồi vịn vào vách núi mà men đi. Giờ mùi mới đến một nơi ấy ở khoảng núi An-tử. Nghỉ lại đó, sáng sớm mai đi thẳng lên đỉnh núi, vào yết Trúc-Lâm Quốc-sư Đại-sa môn ».

« Thấy thấy Trẫm thì người vui mừng lắm. Thông-thả người hỏi Trẫm rằng : « Lão-tăng này vốn ở nơi rừng nội xương đá cứng da đã gian, ăn cơm hầm rau đắng uống nước suối, đi chơi thân-thơ trong rừng khe. Lòng kia như đám phù vân bay theo làn gió mà tới đây. »

« Nay Đấng Bệ-hạ bỗng bỏ cái ngôi nhân-chủ cao sang, « miễn cái thú rừng-rủ tịch-mịch nay mà tới đây thì « Ngai định cầu gì ? ».

« Trẫm nghe lời thầy hỏi, hai hàng nước mắt ứa ra, « bèn nói lại với Thầy rằng : « Tôi còn thơ ấu đã sớm « mất cả hai thân, một mình côi cút mà đứng ở trên mọi « kẻ sĩ-dân, thật không còn biết nương tựa vào đâu « được. Nhân lại nghĩ đến sư đế-vương hưng phế bất « thường. Vì vậy tôi vào ở đây để cầu tu cho thành « Phật chớ chẳng cầu gì. »

« Thầy nói : « Phật ở lòng người, chứ trong rừng « làm gì có Phật. Nếu lòng mình yên-lặng mà « nghĩ thấu được đạo thì mình tức là đấng Phật « Chân-thực đó. Nay nếu Bệ-hạ mà giác-ngộ được « lòng ấy thì đứng ở đâu là thành Phật ở đó ngay, « chớ không phải đi tìm ở ngoài cho vất-vả ».

• 山本無佛，惟存平心，心寂而知，是名真佛。
 « 今陛下若悟此心，則立地成佛，無苦外求也。 »

« Bấy giờ Trần-Công là thúc-phụ Trẫm, tưng-đê của
 « Tiên-quân mà Tiên-quân đã đem Trẫm thác-có cho ông
 « ấy đó, sau khi Tiên-quân bỏ quần-thần mà qua đời,
 « Trẫm ban cho ông chức Thái-sư Tham-phụ quốc-chính,
 « biết tin Trẫm đi rồi, ông sai người đi tìm khắp các
 « ngả, rồi ông cùng với người trong nước tìm vào tới
 « núi này thì gặp Trẫm. Ông nói thõng thiết với Trẫm
 « rằng : « Thần chịu lời phó-thác của Tiên-quân, tôn thờ
 « Bệ-hạ để làm chủ cho qui-thần với nhân-dân. Dân
 « người ta đang tôn thờ Bệ-hạ như con thơ mển cha
 « mẹ. Nay các cố lão trong Triều-đình đều là những bầy
 « tôi thân. Những kẻ sĩ-thứ bốn dân-gian ai nấy đều
 « tôn-phục, dù đến đưa trẻ con, nó cũng biết Bệ-hạ là
 « cha mẹ dân rồi. Vả Thái-tử bỏ Thần này mà về chưa
 « héo cái cỏ, nở hòn đất, lời Ngài dặn hải còn ở bên
 « tai Thần này. Thế mà Bệ-hạ trốn đời vào ẩn ở chỗ
 « sơn-lâm để cho tội cái chí riêng của mình : Cứ như
 « ý Thần đây sở nghĩ : Bệ-hạ làm như thế, đối với cái
 « kể tự tư cho mình thì phải, còn như đối với quốc-gia
 « xã tắc thì làm thế nào ? Ví bằng Bệ-hạ muốn sẽ đem
 « nhường lời không-ngôn để dạy đời sau, thì sao bằng
 « đem ngay thân mình làm phép cho thiên-hạ, phỏng có
 « hơn không. Nếu Bệ-hạ không nghĩ lại, chúng tôi và
 « người nước, xin chết cả ở đây hôm nay, quyết không
 « trở về nữa .. »

Trẫm thấy Thái-sư và các quan cố-lão, tỏ ý thế nào
 « cũng không chịu dời trẫm ra. Trẫm bèn đem những
 « lời ấy bạch với Quốc-sư. Quốc-sư nâng tay Trẫm
 « mà rằng : « Đã làm đấng nhân-quân, thì phải lấy
 « đức vọng của dân làm đức-vọng của mình. Bấy
 « giờ dân người ta muốn rước ngài về thì ngài không
 « về thế nào được. Còn như sự giảng-cứu về sách
 « Phật, xin Ngài chớ có một phút nào quên. .. »

« Vì vậy Trẫm cùng người nước, lại trở về kinh,
 « miễn cưỡng mà lại lên ngôi vua. Từ đó mười mấy

« năm nay, hễ khi nào thư việc cơ-mật, thì Trẫm
 « lại họp cùng các đấng Cao-tăng đại đức đề hỏi
 « bản về nghĩa đạo. Bao nhiêu bộ kinh đại-giáo
 « (Đại-thặng), Trẫm đều đọc kỹ Có một lần Trẫm
 « đọc kinh Kim cương đến câu : « Ưng vô sở
 « trụ nhi sinh kỳ tâm 應無所住而生其心 Phải
 « giữ không để cho tâm mình vướng vào cái gì thì
 « nó mới nảy nở ra được ». Trẫm bèn đặt kinh
 « xuống mà ngâm-nghe nghĩ-ngợi câu ấy mãi, bỗng
 « tự nhiên giác ngộ ra, bèn đem những cái lẽ đã
 « giác-ngộ được ấy, làm ra bài ca này, gọi là « Thiên-
 « tông chỉ-nam 禪宗指南 ». Năm ấy Ngài Quốc-sư
 « ở An-tử ra thăm cửa khuyết, Trẫm mời Người ở
 « lại chùa Thăng-nghiêm, và mở ra sở khắc kinh.
 « Trẫm mới đem bài ca này đưa Người xem. Người
 « xem rồi khen ngợi hai ba lần rằng : « Tinh thần của
 « chư Phật rút hết cả vào trong bài này Vậy sao
 « Ngài không cho khắc mà in ra để dạy cho hậu
 « học ». Trẫm nghe lời Người bèn sai thợ viết ra lối chữ
 « in rồi ban sắc cho khắc bản in, Làm như vậy là không
 « những chỉ cho đời sau khỏi mê mà cũng muốn đề mở
 « mang công-đức của thánh-nhân ngày trước nữa. Nay
 « tự tự ».

Xem lời tác-giả tự-thuật như trên đó, cái lòng hồi-
 hướng tức là cái lòng tu hành của tác-giả, tuy nảy
 mầm ra đã lâu, nhưng chưa có dịp cảm súc mạnh Dịp
 cảm-súc mạnh tức là lúc gặp mấy cái sự biến phi
 thường, như là tuổi còn thơ ấu, hai thân đã vội kể tiếp
 qua đời, biết lấy ai để tin cậy nổi lòng, lại cái việc đối
 với chị em Thuận-thiên Hoàng-hậu là việc bị ép mà nó
 là việc ngược đời đáng lấy làm sấu hổ, thì bảo người
 có tâm huýết làm sao khỏi phần uất một cách rất kịch
 liệt được. Ở đây tác giả chỉ nói vì biểu niệm mà định
 đi xuất gia, nhưng trong chính sử đã nói rõ Trần thái-

Tổng chôn đi vào An-tử là vì Ngài xấu hổ về việc Thuậ-thiên Hoàng-hậu vậy

Đối với những việc thương luân bại-lý, người nhân giả trông thấy ở ngoài cũng đã đủ đau đớn lòng. phương chi lại là việc thiết đến thân mình, thân một người đã có giac nộ cái lẽ sắc không không sắc, thì bỏ ngôi vua mà đi tu cũng là lẽ tất nhiên. Nhưng sau bị thế-bách không xuất gia được, thì những sự thương-luân bại-lý kia lại đều là việc người ta làm lợi cho mình mình nhận lấy cả, thì kẻ thành tu khỏi sao không ăn-năn hối tội chung thân được. Ấy cái tâm lý Trần-thái-Tông sở dĩ tu tại gia, viết ra những bài khuyến hóa về sự tu hành, sám hối, lập thành quyển Khoa-hư này là thế.

(còn nữa)

D. N. T.

TINH THÂN BẤT TỬ

CỦA PHỒ - TRINH HÒA - THƯỢNG

Cổ nhân có nói : thác là thề phách, còn là tinh anh Hai chữ tinh anh chính là tên gọi đến cái đạo đức sự nghiệp của người đã khuất mặt non sông. Mà nhất là chúng ta ai cũng đều là một phần tử gánh vác công việc chấn hưng Phật-giáo hiện thời, thì lại cần phải biết đến những bậc tiên liển mà đã tận tụy với cái nghĩa vụ để mở đường chính giác cho chúng ta đi, như Ngài Phồ-Trinh Hòa-thượng đây thì cái tinh anh còn thiêng liêng sáng suốt biết nhường nào ?

Vậy tôi xin đem những chuyện mắt thấy tai nghe chia làm bốn phần, để cống hiến quý độc-giả như sau này :

(1) Hòa-thượng nguyên là họ Nguyễn húy Ngọc-Tảo, pháp danh Phổ-Trình, hiệu Từ-minh thuyên-sư. Sinh năm Đinh-Mão (1866) ở xã Hữu-Lộc, tổng Cự Lâm, huyện Thư-tri, tỉnh Thái-bình. Bẩm tính thuần-bóa, thiên tư dĩnh ngộ, chuộng thói thanh cao, ưa mùi đạm-bạc, trước theo Nho học ít lâu, nhờ có tuệ căn đời trước, cảm thấy cuộc đời mộng huyễn công danh phú quý, tựa hồ bọt nổi mây bay, bèn quyết tri rũ sạch trần-duyên, xả thân tìm đạo, đi khắp gần xa, mãi đến năm 19 tuổi mới gặp được cụ tổ Chiêu-chí ở chùa Bồ-đề-án, xã Hải-yến (tàng Hoi) tỉnh Hưng-yên, ở thầy đạo hợp, hôm mai học tập tu-tri, không mấy đa thành người đủ tài năng đức-hạnh. Năm 22 tuổi thụ giới Sa-di, 24 tuổi đăng đàn cụ-túc. Khi tổ Chiêu-chí tịch rồi lại về thâu thừa tổ Phổ-tự ở chùa Bao khám xã Tế-xuyên, huyện Nam-sang Hanam Cự thương tới tham học tổ Nguyễn-biểu ở chùa Bồ-đề, thờ trên tiếp dưới, ân lễ vuông tròn nên ai cũng kính mộ. Năm 54 tuổi thụ giới Bồ-tát. Khi tổ Phổ-tự tịch thì trong sơn-môn Tế-xuyên suy tôn Ngài lên ngôi thủ-tọa, tổng trì kỷ-cương trong sơn-môn để giáo-huân cho chư tăng, ni hậu tiến, tiếp độ đệ-tử ngày càng thịnh đạt, tin đồn quy hương ngày càng thêm đông đúc; đối với công việc chấn-hưng Phật-giáo ngài rất nhiệt thành, khi hội mới thành lập là nhận ngay vào ban Chứng-minh đạo-sư, ngày đêm lo lắng tuyên-dương giáo-hóa, hợp cùng các hội viên trong bản hạt, dựng thành cai hội ở Tế-xuyên, ngài làm đại biểu về tăng giới, tuổi tuy già yếu, song lúc nào cũng gắng sức làm việc, khắp trong bản hạt, trong sơn môn, xa gần ai có việc thỉnh cũng đến chỉ bảo giúp đỡ cho đều được thập phần chu đáo.

(1) Tiểu sử này chính tôi được nghe ở Thống-hải hòa-thượng là Thuyên-đệ (em nhà chùa) của Phổ-trình hòa-thượng nói kể.

Công việc khai hóa bắt đầu từ chùa Yên-vũ ở Hưng-yên, sau phụng mệnh tử Tế-xuyên về trụ-trì chùa Mai-xá, chùa Lương-khê, Phú-lư, Thổ ốc huyện Nam-sang, kể đến chùa Hàn-mặc, chùa Vy-hạ (xã Yên-dõ) chùa Cát-lại, chùa Thôn Sinh quán huyện Bình-lục, có nhiều nơi tu tạo rất là trang-nghiêm sáng khải, đầu đầy đều giao phó cho các đệ-tử trông coi rất là chu đáo.

Hơn hai năm nay cụ về chùa Mai-xá (1) để đón đốc cho các sư học tập, hồi đầu tháng 3 Annam thấy trong thân thể bất hòa, cụ biết thế nào Phật cũng đón về ; các đệ-tử đều đến hầu hạ đong đủ, hôm mùng 5 tháng tư có cho gọi cả lại phó chúc rằng : « Tôi với các vị, chắc có nhân duyên đời trước, nay được gặp gỡ cùng nhau, ân nghĩa kể sao cho xiết, tôi nay đã ngoại bảy mươi, lại mang thêm bệnh, chắc Phật đón về. Vậy từ giờ đến lúc tôi lâm chung xin ai nấy có lòng nghĩ đến chỉ nên dốc lòng niệm Phật để giúp cho được vãng sinh sang nước Phật ; Sau khi tôi tịch rồi, các vị nên theo đúng như kinh, như luật như Phật đã dạy mà tu hành. Còn có lo được cúng dâng Tam-bảo thì nên cúng vào trường Tăng học ở Trung-ương mấy mẫu ruộng để lấy chút đỉnh cung cấp chư tăng thu dụng. Trong sơn-môn thì thịnh chư-tăng về an cư (hạ) hành đạo lễ bái tưởng niệm cho là quý ; các công việc đều phải y vào Hòa-thượng Thông-hải xin bằng danh cụ làm chủ. Các việc

(1) Chùa này cụ giao cho vị đệ-tử thứ nhất (con trưởng) là Thầy sư ông Trí-Hải nhưng vị ấy đã tịch năm Tân mùi (năm nay là 9 năm) từ đấy sư ông Trí-Hải phải thừa đương chốn ấy trước khi hội Phật-giáo chưa thành ở đấy có lập lên Phật-học tùng thư dịch kinh sách Phật ra quốc văn bắt đầu từ đấy.

kể trên chỉ nên tùy tâm tùy lực (Lược dịch theo bản Di chúc chữ Hán) khi dọn đồ xong tu tiên bắt thiết lập ngay trong phòng một ban thờ Phật hay một bức ảnh Đức Di-Đà để trông mà tưởng niệm, lại bắt viết một đôi câu đối và mấy câu chữ Hán rằng:

專念彌陀無別念. 定生樂國不他生.

凡來我前皆當一心念佛助其往生, 不得說眼前閑雜之話及其虛卒無益之語.

(Chuyên niệm Di-đà vô biệt niệm, Định sinh lạc quốc bất tha sinh). Phàm lai ngã tiền dai dưong nhất tâm niệm Phật trợ kỳ vãng sinh, bất đắc thuyết nhữn tiên nhân tạp chi thoại, cập kỳ hư hoa vô ích ngữ). Nghĩa là: chỉ chuyên chú niệm đức Phật Di-Đà không còn có nghĩ qua mỗi gì khác nữa, nhất định chỉ cầu sang nước cực-lạc, chứ không cầu đi đâu cả. Vậy phàm ai đến trước tôi, nên dốc một lòng niệm Phật cầu cho tôi được vãng sinh, không nên nói những truyện nhằm níu trước mắt, và những câu rớt rạc vô ích.

Từ đó chỉ là chuyên tâm niệm Phật đến mãi 2 giờ ngày 27 tháng tư năm Kỷ-mão (1939) mới viên tịch, hưởng thọ tuổi đời được 73, và tuổi hạ 42, tháp hiệu là Quảng-lộc 光祿塔.

2.) Thời kỳ chúng tôi về thăm bệnh và về làm lễ tống trung.

Khi hội Phật-giáo Trung-ương được tin Hòa-thượng yếu, là cử ngay một ban chúng tôi về thăm tại chùa Mai-xá. Hôm đi có Hòa-thượng chánh đốc giáo các trường Thuyền học và cụ chánh giám trường (đại diện ban đạo sư) Cụ Hán-Toại (đại diện hội đồng Cư-sĩ) ông Nguyễn-hữu Kha (đại diện ban hộ-niệm) cũng với kỹ-giả (đại diện tòa soạn báo Đuốc-luệ) Khi chúng tôi tới vào phòng để thăm bệnh, thì thấy khí sắc ngài tuy có hơn hêm, nhưng vẫn tình táo, mà truyện chò thì vẫn chủ trọng về sự

khích khuyến chúng tôi lưu tâm vì đạo, khiến cho chúng tôi được nghe nhờ chỉ giáo ai cũng động tâm cảm kích, mà nhất là trông lên những hàng chữ dẫn báo các môn đồ về sự tu hành và tỏ ý là Ngài sắp về Tây-phương (xem tiểu-sử trên) thì lại càng cảm khái lắm. Tuy vậy mà chúng tôi vẫn tự đoán là chưa việc gì, có ngờ đâu là Ngài đã dự biết thời tiết quy tây, nên mới bắt viết những hàng chữ Nho huyền bí như vậy. Chúng tôi về Trung-ương chưa được mấy ngày lại tiếp được thư của cụ Chánh Hội-trưởng cử tôi và ông trưởng-ban hộ-niệm đại diện đồng-nhân hỏi Phật-giáo Trung-ương và sự-cụ Phó-giám trường cũng 10 vị tăng học ở ba trường về làm lễ tống chuông, khi chúng tôi về tới nơi, đã thấy có linh hai trăm chú tăng ni vừa là Sơn-môn vừa ở bản hạt và cả chú tăng ở Tông-lâm tỉnh Hưng-yên đương tập nập làm lễ chuyển cữu để rước ra an-tàng tại vườn tháp chùa Mai. Về bên thiệu-lín thì có ngót 3, 4, nghìn người vừa các nhân viên ở chi hội Phật-giáo Bản-hạt hiệp với Hương-lý già lão trong 6 làng là : Lương-kê, Hàn-mạc, Phú-lư, Cát-lai, thôn Kênh, Quán-sá, Ngô-kê và xã sở tại cũng đều đương tập nập rần bày trung-cổ, ký sủy, tràng phan, bảo cái, hương án, Phật đình, để vào rước linh cữu, số người đứng cả trong sân chùa và ngoài đường đông không còn để dấu cho hết người nữa, đứng đến nỗi các sư môn nhân phải rần xếp với các làng đi rước vòng quang hết cả làng Mai, cho về đến chùa mới hết người. Khi rước về đến chùa thì lễ an-tàng vừa xong là tiếp ngay đến Ngọ, bấy giờ cả chú tăng và các dân làng vào thụ cơm chay. Khi Ngọ xong tôi nhận thấy làng Hàn-Mạc xin rước chôn hương Hòa-thượng về thờ tại chùa Hàn-mạc.

Bình nhật tôi thường thấy các vị ở chùa mà tôi khi lâm chung thời các sư-đệ tử phần nhiều thương

sót thầy thì ít, mà bối rối về các ông đàn ăn (anh) trong làng quấy nhiễu thì nhiều, dĩ trí có dám quan quách còn để đấy mà còn phải dùng đến sỏi thịt cùng là thuốc phiện cho họ no xay trước đã, rồi cái linh cữu kia sẽ nhẹ nhõm mà bay lên vai mấy chú dân em mà niệng ra nơi phần mộ. Tuy nói về ngoài bề thì cũng đáng chê những cái phong tục hủ lậu ấy thực, nhưng bàn về phần cốt yếu ở trong, thì cũng từ ở các Ngài vung tu, vung hóa lúc bình nhật, nên nay họ lại đem cái phong tục già man ấy ra mà báo ân đó. Nếu vị nào cũng nhận rõ cái nghĩa-vụ là thầy mà dây bảo cho các dân em, thì nay họ dám mặt mũi nào mà sử thể? Nghiệm thể thì đủ biết Hòa-thượng Phổ-trình đối với tăng ni và nhân dân thiện-tín có cảm hóa đến thể nào vậy?

3.) Các môn nhân hiện đã làm lễ báo ân đúng như nhời Hòa-Thượng di-chức.

1. — Pháp quyền đã thỉnh hơn bốn mươi vị về ngôi hạ-tại chùa Mai-xá.

2. — Tàu 5 mẫu ruộng cúng vào trường học Trưng-trưng.

3. — In 2.000 quyền kinh bằng quốc-vấn để kính tống thập phương

4. — Tuần tứ cứu.

Nếu theo đúng chương trình của Trường học báo ân các vị có đại công đức, thì bên xuất-gia sẽ có cả chư tăng tri-sự và chư tăng học ở các trường học phải giảng một bộ kinh Địa-tạng hôm tuần 49, còn bên tại gia thì tụng truy tiến một bộ kinh Hoa-nghiêm cho đến tuần tứ cứu lại cử hành một tuần đại lễ nữa (đã có điều lệ riêng). Kể đến đám này không khai giảng mà chỉ tụng niệm lễ bái, là do chư tăng trong pháp-quyển có ý xin miễn về việc này. Riêng về ý tưởng của tôi thì tôi cũng nhận rõ là lễ bái có nhiều công đức hơn khai giảng. Vậy xin lược kê cả chương trình làm lễ để quý Ngài xem có phải là lời ích hơn không?

THÌ GIỜ LÀM LỄ

Buổi sáng

7 giờ chur tăng lên khóa lễ đại sám.

9 giờ tuần đại cúng.

10 giờ 30 khóa tụng và cúng Tồ,

Buổi chiều

3 giờ chur tăng cùng ban Hộ-niệm tụng kinh đại Di-
đà đại hội.

5 giờ khóa lễ niệm Phật.

6 giờ lễ sám nguyện nhiều Phật xong, bố thí.

8 giờ làm lễ kỷ-niệm đọc diếu văn truy tiến, và phát
kinh biến các vị đên dự lễ.

Tuần lễ nay có cụ Sở chánh-đốc-giáo, cụ Hương-Tích, thành-thủ-quỹ, cụ Ngũ-xã, cụ Bát-mẫu và chur tăng học sinh ơ ba trường có tới linh 100 vị. Con bên Thiện-tứu xuất ngày đến lễ bài rất là đông đúc vui vẻ, mà vui vẻ nhất là tuần lễ 8 giờ tối có cả cụ lớn Thiếu-bảo thái-tử Cảnh-hội-trưởng, cụ Tuần Phó hội trưởng và ban trị-sự cùng là các thập phương giáo hữu đến dự đông đúc lắm. đung 8 giờ chur tăng vào làm lễ kỷ-niệm thì cụ Sở đứng dậy giới thiệu cho các quan và thập phương biết rõ cái ý nghĩa tuần lễ này, rồi ngài cử sư ông Tố-Liên ra đọc diếu văn thay cho ban Đạo-sư trị sự Thuyền-học. Sư ông đọc dụng văn rất là ca thán, thống thiết khiến cho ai nghe cũng phải động lòng cảm khái (xem bài diếu văn dưới).

4.) Kết luận. — Chắc cụ đã có công phu tu hành trải trăm nghìn ức kiếp, thừa sự hằng hà sa số Phật, nên đời này có đủ phúc đức thiện căn có trí siêu quần bạt tục như thế, nhất là đối với tiền đồ Phật-giáo, đến hậu vận tăng già càng lưu ý lắm, lưu ý cho đến hơi thở cuối cùng mà vẫn dính dính giằng giở làm cho lực lượng tôn giáo ngày thêm thịnh đạt, cơ sở tôn giáo thêm vững vàng.

Như việc tiêu ruộng để làm học điền cung cấp thanh niên tăng chúng, nhờ đó mà tu học cho đạo nghiệp tăng tiến một cách triệt để. Rồi một ngày kia sẽ ra mà hoằng dương Phật-pháp, khai hóa cho xã hội tin đồ được mở mang chí thức không những thế mà thôi, chúng ta cứ để ý ngầm kỹ mà xem từ trước đến giờ trong thuyết gia đã có bao nhiêu vị có trí tu hành, có tư chất thông minh mà chỉ vì một hoàn cảnh không lương bất buộc, khiến cho sự học thiếu thốn đủ mọi đường, khó khăn đủ mọi nỗi, nên nhiều vị bị bỏ tay, mà ngồi ôm cái ngu cái đốt âm thầm, thành ra là người hư sinh lãng tử, thực là cướp công phụ mẫu thiệt đời thông minh, không những thế mà thôi, lại còn cái tội thất học, nên không hoằng dương được Phật pháp mà lại bị người đời khinh bỉ một cách khỗ nạn nữa, dĩ chi còn cái tội do thất học mà làm cản, làm bậy rồi sau sẽ phải dầy vào vòng luân hồi đau khổ hà sa kiếp nữa! nếu xưa nay vị nào cũng có lòng nghĩ đến hậu cón, có trí hiếu học, mà bị những nỗi thiếu thốn, nó làm mai một mất các nhân tài Phật tử một cách đau đớn như vậy, mà bảo nhau hiệp lực đồng tâm tự mình làm lại khuyến người khác làm theo như Hòa-thượng Phổ-trình đây, rồi cùng đem những số tiền đọc sách và bày biện tôn phí ra mà lập thành những cơ sở công cộng vững vàng, để đào tạo nhân tài ở trong tăng gia, thì còn làm gì có những nỗi đau khổ như trên đã nói, mà làm gì tin đồ của mình phải lúi nhúi vào đường tà ngộ giải, họ đã không xa lạc vào đường tà, tất là phải theo đạo chính, thì ai là người không tôn sùng Phật pháp, biết kính trọng tăng gia, thì có lo gì Phật-giáo không hưng thịnh, nhân dân không thuận thiện. Tôi xin thành thực đem tấm thân Cư-sĩ nhỏ mọn mà đốt nén hương lòng, cầu nguyện cùng chư tăng ni, chư thiện-tín nên đem những sự báo hiếu thù ân mà làm việc hoằng pháp, lợi tông đề cứu lấy khổ nạn thất học cho tăng ni hiện thời, sở dĩ tôi hết sức hồ hạo về việc giúp đỡ vào việc tăng học

là tôi thấy Phật Thích-Ca dạy rằng : « Phật pháp gửi ở Tăng già ». Tăng già có học thức thì Phật pháp còn, không có học thức thì dù ta có đứng cạnh đức Phật, ta cũng chẳng biết Phật là gì ?! mà lẽ Phật lại không biết Phật cũng như là con cháu vẫn thờ cha mẹ mà không biết đến luân lý của phụ mẫu thì sao gọi là con cháu được ? lẽ Phật mà không biết Phật thì sao cho được phúc duyên ?

Sự nhu cầu kinh sách bằng quốc-văn của quốc-dân hiện nay thật không khác chi đói mong ăn, khát mong uống, ốm mong thuốc, lười mong đèn, vì từ khi Hán-học dầm dấn, tinh thần đạo đức, nghĩa lý tinh vi ẩn mất, nhân tâm biến đổi, thế đạo suy vi, cương thường rối loạn, tà thuyết thịnh hành, Phật-giáo cũng vì đó mà bị ảnh hưởng một phần rất lớn, đã thành ra cái đạo có sắc không có hồn, số tín-dồ tuy đông mà rất ít người hiểu, nông nổi đó đối với người có lòng boài hảo đến phong hóa luân thường, thật không thể cam lòng ngồi ngó cho đành được.

Nay Phổ-trình Hòa-thượng là một vị có đủ nghị lực, quả quyết đi tiên phong trên con đường chấn-hưng Phật-giáo, và cải cách những sự nên đổi trong Tăng-già, khiến cho những người trí thức đều phải khâm phục tán-dương, thật đáng ghi trong Phật-sử, đáng dựng bia kỷ niệm đời đời, thật là ngài đã khéo tu nay lại khéo hóa, có thầy ấy nên lại có trò ấy, chứ thực ra thì theo các đám đạo sách khác, phí tiền có đến hàng nghìn trở lên, so với số tiền tậu ruộng, in kinh sách, cúng dàng chư tăng kết hạ đày còn kém xa. Xong đối với đệ-tử Ngài ở những ngôi chùa thôn dã, đồng trống nước trong, chùa nghèo cảnh khó, mà lo được thế, thực là hiếm có, thực là một cửa thầy trò nghìn thu công đức bất hủ.

Ký-giả : Nguyễn-trọng-Thuật

Bài điều trần cụ Thọ Phổ-trinh

HIỆU TỬ - MINH

Nam-mô A-di-Đà Phật

Kính bạch trước Thuyền vị Phổ-trinh Giác-linh. Đạo tu hành lấy giải thoát làm đầu, mà giải thoát như Giác-linh thì dù có tùy cơ sinh tử đi nữa, nhưng cũng vẫn là tự tại trong đời không sắc, vậy thì còn bày đặt ra điều-vấn làm gì nữa. Nhưng đây là chúng tôi và quý-quan trong giáo hội cùng tuân lời Phật dạy : « Tri ân báo ân » nên phải cùng nhau cùng róc một lòng thành kỷ niệm Giác-linh là người thầy chúng vị đạo.

Ôi từ Tô-Vĩah tây quy, đề cho lực lượng của Tăng-gia ngoài giáo hội, hiện ra biết bao phầu nao núng, kia hàng mấy vạn tín đồ còn chưa ngừng lòng ngạo ngán, mà vết thương lớn ấy hàn gán vẫn chưa lành, may còn các vị Kỳ-túc đạo-sư trong các Sơn-môn cùng nhau góp ít nên nhiều, góp yếu nên mạnh, đề duy trì kỷ-cương Tăng-gia, trong lúc bắt đầu chính đốn mọi sự khó khăn ưu-muộn nay, vẫn tưởng Giác-linh cùng chúng tôi càng già càng mạnh đề cùng đem cái nghị lực đạo đồng nghĩa hợp ra mà khôi phục mọi sự nghiệp giác ngộ độ mê của đức Giác hoàng từ-phụ. Ngờ đâu phút đã theo tồ Thuyền-gia pháp-chủ mà về miền giới ngoại thanh cao, khiến cho ban đạo-sư chúng tôi sây mất một cánh tay có đạo lực duy trì, có tinh thần cải cách, đàn hậu tiến mất một người đứng đầu cầm chung vận mệnh tinh thần. Ai là người có tâm với đạo hiện thời mà không thương không cảm cho đành.

Thế gian có ba điều bất hủ : một là lập đức, hai là lập công, ba là lập ngôn, trong ba điều đó làm được một điều, cũng đã khiến cho đời lưu truyền vĩnh viễn rồi, huống chi Giác-linh lại gồm đủ cả ba, thì lại đáng cho đời ngưỡng mộ biết là nhường

nào ? Nền hôm nay là ngày 16 tháng 6 năm Kỷ-mão, chính là ngày tuần tứ-cửu Giác-linh, toàn ban thuyền học chúng tôi và thập thương giáo-hữu cùng nhau hội họp ở trước tòa Tam-bảo này. Trước là tụng kinh niệm Phật lễ sám, cầu siêu, sau là lễ kỷ niệm ba cái công đức hoàn bị bất hủ của Giác-linh ấy vậy. Lại xin tả rõ một thiên văn sự thủy chung của Giác-linh như sau này : Nhớ Giác-linh xưa vốn sinh trưởng ở nhà thi lễ, nhờ ơn nghiêm từ đôn đốc chu chuân, nên từ nhỏ đã theo đòi nề nếp bút nghiên, cửa Khổng sân Trình từng phen đập tuyết, nên đạo tu thân sử thế đã luyện thành một bản lĩnh rất tinh vi, hầu đứng mực là người tai mắt. Nhưng nghiệp định nhân nào quả ấy, mà cũng nhờ xưa có tuệ căn thiện nghiệp, nên nay mới sớm tinh thân thế trăm năm là giấc mộng, mà lại còn nhiều dây phiền não trói trằng áp bách nữa. Chi bằng lấy cánh hoa đàm đuốc-tuệ, chiếu cõ lò hương làm cảnh thanh bình an lạc, rồi kháng kháng đem ý tưởng theo với việc làm : Cửa biểu tử quyết trí treo gương Địa-tạng, đem tóc râu mà đoạn giả nợ trần ai, đem thức tính mà hun đúc với lò hương giới định. Kia chùa Hồng-ân là nơi dăng đàn cụ túc, giới phẩm thừa đương, có ngõ dâu y bát vừa truyền mà tổ Hồng-ân đã chân du tịnh độ, còn Giác-linh thì tuy giới hạnh đã tinh, mà đạo học lại càng gắng, nên đại-sư nhân-duyên sau này mới đủ tài gánh vác như vậy. Mặc dầu đương lúc thầy trò ly biệt, mà vẫn đình ninh lấy học vẫn làm nguồn tính mệnh, quyết trí mạnh mẽ theo gót tổ Đức-sơn, lấy bạn đàn anh làm nơi nương tựa mà học hỏi đạo màu. Kia chùa Tể-xuyên là nơi cơ chỉ tu trì, kia chùa Bồ-đề là nơi tham thuyền chứng đạo. Ôi ! sao mà Giác-linh đã gặp được thời cơ tốt đẹp như thế, lại gặp được thầy bạn sùng đáng như thế. Cũng bởi cái đạo nghiệp kiếp xưa ngậm chuyền nên một môn sư-hữu hiền minh, muôn năm

vận sự đường đường như vậy, mà về phần tư sự của Giác-linh thì tuy đạo đã thấy, mà vẫn lấy làm chưa thấy, công đã thành mà vẫn lấy làm chưa thành, nên tuổi càng cao mà giới hạnh càng tinh nghiêm, học vấn càng đôn-đốc thuần túy, chúng tôi nhận thấy chỗ thuần túy của Giác-linh là : Xuất-gia mong lấy đạo đức đề đền giả ân cù-lao cứu dục cho tròn hiểu đạo, tu thân là mong nối nghiệp Phật-tổ khai hóa chúng sinh, đề về tròn quả nguyện với kim-sinh, Giác-linh trung thành với nghĩa-vụ như thế, nên cách sử thân lúc bình nhật thì rất mực thanh cần tiết kiệm, cách tiếp chúng thì rất mực uy nghiêm mà hi xả, đêm ngày chỉ mong cầu cho đầy bổn phận sự tự giác giác tha, mà báo ân Phật-tổ. Tuệ nghiệp làm chính nhân đã đầy đủ, thời phúc duyên làm chớ đạo sao chịu kém thua, lại một mực soi đuốc quang minh của hai tổ Mục-liên, Sá-lợi, đem thâu mà ứng dụng với đời, nào hưng công, tác phúc, nào mở cảnh làm chùa cho nhân chúng hữu duyên nhờ đó mà reo giông lấy nhiều nhân bát-nhã, kết cấu nên quả Bồ-đề, Kìa chùa Lương-khê, nọ cảnh Mai-xá, đến chùa Hàn-mạc v v. Đến nay ai qua lại mà không truyền tụng rằng : Nhờ công duyên tu bồ sanh tri của Giác-linh mới trở nên mấy tòa phúc cảnh đồ sộ trang nghiêm như vậy. Nhất là đối với việc Phật pháp cận lai thời Giác-linh lại càng lo sâu nghĩ xa lắm. Vì Giác-linh có con mắt sáng suốt hơn đời, có lòng lo toan vì đạo hơn người, là tự nhận rõ rằng : Phật pháp tăng-già có thịnh vượng, thì xã-hội tín-đồ mới khỏi nhằm lạc vào đường tà nẻo rối. Vậy mà ngắm xa thì đương buổi Phật pháp vận xuy, trống chính pháp đã không rồn rã mà lại thêm bị sáo đời loạn dấp, ngắm gần thì tổ đình đương bồi thu vãn, trường giới luật, cửa thanh quy biết bao nơi cỏ phủ rêu phong, kỷ cương rời rã, học vấn dật lùi, mà đến các sự phong hóa tr-

trì thì lại càng dặt lúi quá nữa, nên thường sây những truyện phê bình chỉ nghị rất là thậm từ quá đáng, còn đến những hạng tín mông theo mê thời thời cứ xô nhau mà kinh chuộng ta dồ, khinh bỉ chân phương. Như vậy thì ai là người có trí tu hành lo toan vì Phật pháp, mà không thương tâm thăm mực cho đánh ! Cho nên bình nhật Giác-linh đối với việc đó, không còn để sót một nhân duyên nào, một cơ hội nào, đã tự mình để sườn lại khích lệ cho pháp-lữ môn đồ tuyên truyền để sườn nữa. Kia biết bao vị đều theo gương của Giác-linh mà trở nên có công sang lập với hội Phật-giáo, thực là Giác-linh đã sản xuất ra cái tinh thần chấn hưng Phật-giáo hiện thời vậy.

Khi Phật-giáo Trung-ương thành lập rồi, Giác-linh lại trở về bản hạt (Nam-sang Hanam) mà gánh vác lấy cái trách nhiệm đại-biểu bên nội-hộ. Ôi ! đem cái thân tứ-đại non nớt, để chống lại với bọn lục tặc cương cường, ngoài bảy mươi năm giờ, lại thêm đương gánh đạo nặng nề, đường dài dằng dặc, mà lực lượng vẫn càng lâu càng bền, càng già càng siêng, siêng đến phút hơi thở cuối cùng mà vẫn không quên việc Phật pháp, vẫn nặng lòng thương sót đến tầng giới thiếu-niên về đường học vấn, cho nên khi sắp lâm chung còn dinh ninh di-chức cho các tôn đồ rằng : « Phải làm việc Phật mà báo hiếu, không nên nhân tuần thối quen mà làm việc phù phiếm không đầu, nên chú ý vào hai việc : một là tận ruộng để cùng vào làm học điền cho tầng giới, để cho thanh niên tầng học lâu dài ; sẽ có đủ đồ mà thụ dụng, mà tu học cho được minh kinh liễu đạo thành tài đạt đức, để ra mà gánh vác lấy công việc hoằng pháp lợi sinh, và lại thỉnh chư tăng về kết hạ tại chùa Mai-sá này để cúng dàng. Hai là in các kinh sách bằng Quốc-văn để ban bố, cho nhân-quần hiểu đạo Phật cho rành,

làm đạo Phật cho đúng, mới có thể tăng thêm thiện duyên cùng pháp giới chúng sinh được. Ôi ! cớ đức có nói : « Sả thân vì đạo ». Như Giác-linh mới thực là xứng đáng với câu ấy vậy.

Người ta tới lúc lâm chung là lúc sơn cùng thủy tận, đường thẳng trảm với dây nghiệp báo đều là nan tri, bõ dễ đã mấy ai tới lúc ấy mà còn đủ đạo lực chủ chương như vậy, lại còn trong phòng bệnh bắt sửa sang một ban thờ trên treo một bức ảnh đức Di-đà để luôn luôn hướng lên niệm Phật, lại bắt viết mấy hàng chữ lớn treo trên giường bệnh rằng : « Ai đến trước tôi, nên vất bỏ muôn duyên, mà nhất tâm niệm Phật. ầu nguyện cho tôi được chóng siêu sinh, chứ đừng nói những truyện huyền hoa vô ích (xem nhời di chúc ở trên).

Cứ ngẫm kỹ mấy câu ấy, thì đủ tin rằng : Giác-linh là bậc đạo đức thuần túy biết nhường nào ; đến lúc phong hỏa lâm ly, thân căn trầm trọng, mà chân tâm còn phát lộ ra được những nhời trân ngôn quý báu như vậy. Than ôi ! một người tự bước tu thân sửu thế, cho đến vì Phật pháp vì Tăng già vì pháp giới chúng sinh, thủy chung vẫn dính dính nhất niệm như giác linh đây, ai còn chen cạnh được nhời nào vào đâu được nữa, đã không chen cạnh được, tất phải công nhận là một bậc tu hành tận thiện tận mỹ.

Thôi thôi ! cảnh trần ai này với đời cực lạc kia mười muôn ức dặm đường trường, nước mây man mác, kẻ càng tiếc, liêc càng thương, chúng tôi chỉ còn cùng nhau một niệm đối trước linh tọa hướng về Phật quốc, mà phát nguyện rằng : Giác linh đã thăng đường về cực lạc, mà chúng quả Bồ-đề rồi lại xin mau mau thỉnh cả tổ thuyền gia pháp chủ và chư vị đạo sư cùng cưỡi thuyền bát-nhã lại cõi Nam-hải này mà hộ hào cứu vớt cái nạn lênh đênh đấm đuổi cho chúng sinh cùng lên ngàn giác. Còn chúng tôi xiu cùng nhau dìu khải đồng tâm cầu

nguyện rằng: trong tăng ni, ngoài thiện tín, thầy đều noi cái gương của Giác-linh mà tinh tiến tu hành cho được hoàn hảo như Giác-linh thì sự nghiệp tu hành mới nói là song được. Còn như Giác-linh đã chứng tới ngôi viên dung vô ngại tự tại vô biên, xin chứng dám cho chúng tôi mấy nhờ thiền cận.

*Phật giáo hội trường thịnh,
Phổ-trình Thuyền-sư bất tử,
Ban Trị-sự Phật-học kính soạn.*

PHƯƠNG DANH CÁC VỊ VIỆT - KIỆU Ở
VIENTIANE CÔNG ĐỨC CÙNG TIỀN
LÂM CHÙA TRUNG - ƯƠNG

Ông La-định-Nhạc phụ thủ từ, ông Lã-huy-Trúc, Nguyễn-hữu-Tề, Bà hai Thuế, Bà Đặng-thị-Tý, ông Phạm-văn-An, Bà cụ Lý Tý, Nguyễn-văn-Dung, Quan-đức Tailleur, Văn-xuân-Buồn, ông Thạch-quan-Tuấn, ông Nguyễn-văn-Hòa, ông Chân-chí-Hiểu, ông Phạm-thế-Long Phúc-thịnh mỗi vị cúng một đồng (1\$00).

Cụ Phạm-Lệ thông-pháo hưu, Bà Lê-thị-Hòe, ông Trần-viết-Cần, Bà hai Thuốc, Lê-văn-Trung, Nguyễn-văn-Trảng, Bà xếp Ban mỗi vị cúng hai đồng (2\$00).

M. Đình-văn-Công, Nguyễn - khoa-Hiểu, Trịnh-quan-Vân, Phạm-trình-Chu mỗi vị cúng ba đồng (3\$00).

Ông Ngọc-Hương, ông Đỗ-mai-Phúc, Đỗ-dinh-Tào mỗi vị cúng năm đồng (5\$00).

Các Thiện tín cúng (20\$00).

Vũ-văn-Kế, Bà Bầy thị-Vàng mỗi vị cúng (0\$50).

CHƯƠNG TRÌNH

LỄ NGHI VỀ DỊP TẾT TRUNG-NGUYỄN

Tại chùa Quán-sứ Hanoi

Ngày 13 tháng bẩy

- SÁNG** 9 giờ tiếp linh.
10 giờ cúng Phật.
11 Triệu linh chúc thực.

- CHIỀU** 3 giờ làm lễ đại sám.
6 giờ rưới làm lễ hành sám nguyện.
8 giờ giảng kinh.
9 giờ ban Hộ-niệm làm lễ.

Ngày 14 tháng bẩy

- SÁNG** 8 giờ Ban đại-học làm lễ.
10 giờ cúng nhị thánh.
11 giờ chúc thực.

- CHIỀU** 3 giờ ban đồng nữ dâng hương.
4 giờ rưới tụng Kim-cương đại hội.
6 giờ khóa xám nguyện.
8 giờ giảng kinh.
9 giờ ban Hộ-niệm tụng đại hội kinh Địa-tạng bằng Quốc-ám.

Ngày 15 tháng bẩy

- SÁNG** 7 giờ chư tăng làm lễ tự tứ.
8 giờ rưới tuyên sớ.
10 giờ lên tuần đại-cúng.
11 giờ chúc thực
12 giờ ban Hộ-niệm làm lễ.

- CHIỀU** 2 giờ rưới đàn móng-sơn tụng đại hội Địa-tạng hồi-hương, trước khi tụng kinh chư đại đức và hội-viên lễ tự đàn ngoài làm lễ chiêu hẩn các vong linh rồi rước linh phan vào quy Phật.
6 giờ nhiễu Phật.
8 giờ diễn thuyết.

Cô con gái Phật hái dâu
(TRUYỆN BÀ Ỡ-LAN PHẬT HÓA
LỊCH - SỬ TIỂU THUYẾT)

(tiếp theo)

Cụ Đàm-không nhận ra cô Cám tức Khiết-nương con gái một của một người đàn-việt thành-tâm, một người bạn thân, là bà Huyện Lê ở làng Sủi (Thổ-lôi), nay đã qua đời, nhưng nhà ấy hiểm hoi lắm, tất cho người đến bắt cô về chứ không chịu để cô đi xuất-gia đâu. Bởi vậy Cụ Đàm-không yêu quý cô như con cháu nhưng chưa thể-phát thụ-giới cho. Người nói còn phải tập việc nhà chùa xem có kham nổi công việc trấp-tác cần-lao không đã. Nhưng cô Cám vừa thông-tuệ, vừa đảm-dang, tuy con nhà quan, mà chịu thương chịu khó, chăm việc và không nề việc gì. Mới được mười lăm hôm nay, nào lên đèn nhang, nào thỉnh chuông triệu mộ, nào thổi-nấu và quét tước, cô rất vui vẻ với việc làm, hòa vui với chúng. Chiều hôm nay, triệu lệ cô quét lá thông xong thì lên tam-quan thỉnh chuông mộ.

Hồi chuông vừa dứt thì cái khăn sò, mở tóc bay tung, khiến cho cô tự lấy làm thẹn-thò với cái nghề nghiệp duyên còn đeo đẳng ấy, vội vàng chít lại cái khăn vừa xong, trông xuống sân cửa chùa thấy mấy người đàn bà khách lạ nón thúng quai thao, có cả trẻ con, họ đang ngơ ngác trông lên tam-quan, cô Cám hoảng hồn không kịp tránh, thì ra bốn người nhà mẹ kế, em Tấm, người di và gia-nhân đến tìm. Tấm trông thấy chị khóc chu lên, bà mẹ kế cũng chừa-chan hàng lệ. Bà giắt Tấm lên tam-quan, tỏ nỗi nhớ mong với cô Cám, rồi bà dìu cô xuống đưa lễ vật trâu nhang vào bái-bạch sư-già và lễ Phật. Tối hôm ấy bà Châu-thị thiết-tha

nhờ sư-già Đàm-không giảng dạy cho cô Cám nên trở về.

Sư cụ Đàm-không bèn thuyết-pháp cho Khiết-nương tức cô Cám có hai điều cốt yếu như sau này :

« Một là nếu Khiết-nương mà quyết không về thế là để cho bà mẹ kẻ đeo cái tiếng di ghẻ con chồng cay-ngiệt để cô phải phẫn-chí mà đi tu, vả Phật ở lòng ta, cảnh nhà đang cơn biến cố, người hiểu-tử sao nỡ bỏ qua mà không độ ».

« Hai là đạo Phật có nhiều phương-tiện, tại gia mà tao được phúc cũng có công-duyên. Đức Quán-âm hiện vô số thân để cứu-độ cho đời. Làm thân nhà giàu có tiền của, làm thân vua quan có chức-quyền, làm thân xuất gia, làm thân tại gia, làm thân trai mạnh dạn, làm thân gái nhân-tử, tùy chúng-sinh cần đến thân gì. Người hiện ra thân ấy mà cứu độ, có trấp-nệ một đường nào. Khiết-nương mà quả chân-tâm mộ Phật thì về ở nhà lấy đạo chính mà tu-thiền, mà độ-thế giữa cõi thế-gian, rồi cũng có ngày gặp Phật ».

Khiết-nương nghe lời thầy dạy, biết đạo Phật là rộng-rãi bao-la mà cứ ở thực-hành độ-thế. Vả lời lời thầy giáo-hóa với lời mẹ di-chức cũng cùng một ý, cùng hợp với cảnh mình, với tính-cách mình, thì cô cứ đầu vàng lời. Nhưng khi cùng gia-quyển tạ thầy già cảnh ra về, cô vẫn sut-sùi tiếc thầy tiếc cảnh

V. - Súc động lòng từ

Sau khi từ già Sư thầy Đàm-không và cảnh chùa Thanh-sơn theo gia-quyển về nhà rồi, cô Cám lại vui vẻ lam ấu yên phận làm một cô gái chân quê hạng bình dân như thường. Nhưng những lời di-chức của mẹ đẻ xưa cùng những lời giáo-hóa của sư thầy Đàm-không

đã dạy cho cô về đạo từ-bí của Phật, thì không bao giờ mà cô sao nhãng. Cô vẫn giữ được một tháng hai ngày ăn trai và nhất là hề thấy người đói khổ, kẻ oan khiên, thì cô cảm động đến chừa chan hàng lệ.

Cô lại ăn ở một cách rất suê-sòa tử-tế, không những không biết khinh dễ mà lại hay yêu thương những kẻ nghèo hèn, những đứa con gái nhà khổn khổ. Cô thường làm quen với chúng, chuyê-n trò an ủi cho chúng.

Một ngày mùa hè, bảy giờ chừng nửa buổi sáng. Trời nắng trời-trang, cô Cám ở dưới ruộng dâu đi lên, đầu đội cái nón nhĩ-thôn, lưng thắt bó que, váy xắn quai cồng vai vác cái quốc, bề bối ướt đầm cả yếm áo, thế mà cô ở ruộng đi lên một cách ung dung, có vẻ sung-xướng vì công việc mình đã làm chu tất, và dường như cô coi khinh cái gai khếc-liệt của thần nắng đang uy-bức mọi người. Về gần đến gốc đa đầu làng, cô Cám thấy 2, 3 cái đầu người ở mé khuất gốc đa thò ra lỗ nhỏ vừa mừng vừa tíu tíu gọi, nói « a. a. ». Cô Cám, hôm nay cô làm cỏ dâu xong sớm nhĩ. Chúng cháu hôm nay may lắm, mỗi đứa cắt được một gánh cỏ trâu nặng chiu mà còn sớm lắm. Vì thế chúng cháu còn nghỉ ở đây. Mời cô vào đây nghỉ mát một tí rồi cô cháu chúng ta cùng về. Trời đang nắng gắt lắm cô ạ »

Nghe thấy nói những tiếng nói quen quen. Cám ta bước rảo cẳng tới nơi thì ra bốn đứa con ở của những nhà phú bộ trong xóm đi cắt cỏ trâu về. Thấy cô Cám, một cô yêu quý của chúng nó đến nơi, chúng nó vội đứng cả lên ra đón rước mừng rỡ. Cám cũng vui vẻ vừa cười vừa cười vừa nói : « — Ối chào, những gánh cỏ ngon ngon là. Hôm nay về thì các chị đều được chủ khỏe.

Chúng vội nhao nhao cả lên :

« Cô được khỏi mười cái vọt là tốt cô ạ ».

Cô Cám chúng nó nói tiếp theo một cách dịu dàng rằng :

— Thôi, đã có con trâu nó biết cho.

Chúng đều vui vẻ nói một lời « vàng ». thì một con bé tên là cái Tí Nam độ 15, 16 tuổi, mặt tươi tỉnh mà tính nhanh nhẩu và hóm-hỉnh, nó vừa trở xuống góc hồ sen bên gốc đa vừa bảo cô Cám của nó: « - Có xuống hồ mà rửa mặt mũi chân tay rồi lên đây mà ngồi nghỉ mát »

Trông thấy hồ sen bát ngát, nước sâu và trong góc hồ dưới bóng đa dợp lại có bậc đá cuối đê bước, tuy sinh ở nhà danh-gia, nhưng sống theo cái thói bình dân đơn sơ đã quen. Cám liền gặt đầu rồi sẽ dựng cái nón và cái cuốc vào gốc đa mà xuống ao rửa mặt mũi chân tay. Rửa ráy xong, Cám lên ngồi vào cái đê đa như cái ghế phẳng mà mấy đứa con ở ấy đã nhường cho và mời. Dưới gốc đa cỏ thụ lẫn-vần, cành bà sò ra, bóng kín dợp hàng mấy sào, bên gốc đa hồ sen man-mác, lá xanh hoa đỏ rập-rờn, chỗ mé gốc đa cô cháu cô Cám ngồi lại khuấy với đường đi, nên đã mát-mẻ mà lại vắng-vẻ. Thỉnh-thoảng cơn gió nam mặt hồ sen đưa lại vừa mát vừa thơm một cách nhẹ-nhàng êm-dịu, khiến cho bọn cô cháu cô Cám sau khi tranh đấu với lò lửa kim-ô khốc-liệt ở trên đầu bông đều thấy băng-khuàng tỉnh-táo lại cả tâm-hồn. 4 đứa con ở đầu bù tóc rối, quần áo lam lũ và lấm-láp, cùng ngồi trâu cả lại để nhìn chăm-chăm vào mặt cô Cám mà ngắm-nghía cái pho tượng ngọc nữ thiên-nhiên. Cám thong thả cởi cái khăn vuông trên đầu ra để vấn lại vành khăn trong. Làn tóc vừa sờ ra lòng-thông bỏ xuống cuộn thành mấy vòng ở lòng. Cám phải đứng lên để vấn thì ngọn tóc vừa trắm mắt cá xong dòi ra từng sợi, đen nhánh như sắc hạt huyền, phân biệt với cái gương mặt thon thon da trắng hồng và mịn. 4 đứa nọ cùng cười ồ cả lên và nói : « Cô Cám, cô sung-sướng nhỉ. Trời Phật cho cô được cái tướng rất quý, tướng cô đẹp mà nhàn. Ngày sau thế nào cô cũng giàu sang ». (còn nữa)

Ng. tr. Thuật

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Tin sát nhập Bắc-Kỳ với Trung-Kỳ

Vài tuần lễ nay, dư luận sôi-nổi về cái tin với Chính-phủ Pháp đang dự định đem Bắc-kỳ sát nhập vào với Trung-kỳ để thực hành hiệp ước năm 1884, tức là bản hiệp ước Triều-đình Việt-nam ký nhận nước Pháp làm Bảo-hộ quốc. Theo hiệp-ước ấy, Chính-phủ Bảo-hộ Pháp ở đây chỉ cầm quyền ngoại-giao, quyền quốc-phòng, còn việc nội-chính vẫn do vua Việt-nam tự chủ. Nhưng sau khi ký hòa-ước, sau khi người Pháp dẹp yên đất Việt-nam, đặt chính-quyền bảo-hộ ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ thì quyền hạn vượt quá hiệp-ước ấy, nên đã đôi khi gặp lúc thời-cục lăm việc, lại khởi lên cái dư-luận giả lại nội-chính cho Việt-nam. Lần này cũng thế. Được tin ấy nhiều nhà báo và nhiều người thành thị sôi nổi tỏ ý kiến không bằng lòng lấy rằng tuy là thuộc địa mà người dân Nam-kỳ được hưởng nhiều pháp luật dễ chịu hơn Trung-Bắc-kỳ. Lại trong vòng bảo hộ mà luật pháp ở Bắc-kỳ nói hơn Trung-kỳ là nơi mà danh nghĩa Triều-đình còn nhiều hơn. Và ở với người Pháp hơn nửa thế-kỷ nay, cái tư-tưởng tự-do, dân chủ đã in sâu vào tâm-não mọi người, dù chỉ là cái tư-tưởng còn ao-ước. Bởi mấy lẽ đó, người ta lấy làm lo ngại. Có cử đại-biểu lên hỏi quan Thống-sứ lên hỏi quan Toàn-quyền, nhưng hai vị Thượng-quan đều nói chưa nhận được lệnh ấy ở bên Pháp. Nay xét ra thì tin ấy mới là của tờ báo tây ở đây là Volonté Indochinoise phát ra mà thôi. Cho được yên dư-luận, Phủ Thống-sứ Bắc-kỳ hồi 10 giờ đêm hôm 10 Août 1939 có gửi một tờ thông-tư cho báo Thời-vụ Hanoi mà báo ấy dịch ra như sau này: « Quan Thống-sứ Bắc-kỳ bá-cáo cho nhân dân biết rằng: Theo một bức điện-văn của

quan Tổng-trưởng bộ thuộc-địa gửi cho quan Toàn-quyền về việc sát-nhập xứ Bắc-kỳ và Nam-triều, Ngài được phép cải-chiến những tin đồn chung-quanh về việc ấy và bá-cáo đề nhân dân được biết cuộc cải cách đã dự-định sẽ có một tính cách cốt yếu dân-chủ ». Coi đó thì việc Chính-trị xứ này, chính-phủ sẽ có cải cách. Nhưng chưa biết sẽ cải-cách thế nào. Theo ý thành-thực của chúng tôi, thì dù chính-thể nào, danh-hiệu là gì miễn sao cho số đông người được dễ thở, được có con đường sinh-hoạt rộng hơn, cho khỏi nheo nhóc lúc này, tức là trúng vào giữa chỗ dân-nguyên đó.

Nạn xe lửa

Theo tin Đông-Pháp ngày 18-8, chuyến xe lửa Hanoi Laokay đến gần ga Lang-khay bị chuyến xe khác đụng phải, 6 cái toa trở đầu sáng bật chạy tan-tánh, người gác phanh bị mất tích, 2 người tài xế bị bồng nặng phải đem vào nhà thương Yên-báy điều trị. Không biết vì sao mà các số hỏa-xa xứ này độ này bị số quây thế, đường nào cũng bị tai nạn luôn luôn? Bởi người làm không cần thận hay là do tà-ma gì ám-ảnh. thì sao không bói toán mà yểm đảo đi.

TIN THẾ-GIỚI

Hai tin tai nạn chiến-tranh

Trước khi chiến-tranh. Người Đức sợ nay mai chiến tranh xảy ra. bị hãm đường vận tải vật liệu ở ngoài vào nên họ đã chế-tạo ra nhiều thứ lương-thực và đồ vật dụng bằng chất giả : Họ lấy bùn ở rãnh cống thành-phố lọc lấy chất trong xương sấu mẫu vận của đồ ăn người ta bỏ trút xuống để làm bánh ăn. Lấy chất tinh túy trong than-củi chế làm dầu săng. Nghiền bột gỗ chế ra leo, tờ sợi để dệt quần áo. Lấy than củi chộn với với chế ra cao su gọt là cao su than (Caoutchou de charbon). Thứ này

dùng làm bánh xe máy bay tốt lắm. Họ trúa sắt như núi để chế tạo binh khí, mỗi ngày chế được 9 chiếc phi-cơ. Phi-cơ Đức đóng toàn bằng một loại kim Ebetron nó nhẹ hơn « nhôm -- aluminium », người ta dùng một ngón tay giơ bồng được cái cánh tàu bay lên, vì thế tàu bay dễ lên cao.

Trong khi chiến tranh — Báo « Match » ra ngày 8-6, nay trích đại lược như sau : Đối với cuộc chiến-tranh Trung-Nhật, vua Nhật phải ép mình rất cần kiệm để làm gương cho nước, Nhà vua không mặc y-phục hoa mỹ mà chỉ may bằng vải thường, bỏ rượu ngon ngoại-quốc, và cả thuốc lá. Đem đồ vàng ngọc báu cho nhà băng Nhật-bản mà chỉ đeo cái mực-kính gọng thường, xe ô-tô chạy bằng dầu than củi, đồng-hồ soàng đáng mười đồng bạc, và làm việc từ 7 giờ sáng đến 7 giờ tối. — Coi 2 tin đó ta thấy cái tai-nạn chiến-tranh hao-tồn là dường nào, nên người ta phải lo phòng đến thế.

Đức chiếm ngăm Slovaquie chẳng ?

Tin London 17 Aoút, một tin nói một viên tướng sắp tới nhậm ở Bratislava, lại một tin nói một phần quân lính Slovaquie đã nhường chỗ cho quân Đức đến đóng. Bởi vậy người ta lo rằng trong một thời gian, quân Đức, chiếm kinh-thành Slovaquie.

Ở biên-thùy Đức-Ba

Tin Dantzig, 17-8, Tin của Đức : 1 toán lính Ba canh biên-giới Ba-lan-Dantzig đã bắn sang chỗ bọn phóng viên báo Đức đứng nhưng không trúng ai, Nhưng Ba cải-chính tin ấy là sai. — Tin Varsovie 17-8, một toán cảnh-binh Ba đã đánh đuổi được toán quân quốc-xã Đức tràn sang ở miền Silésie. Lại vùng đó, Đức đã khóa cửa ải của Đức thì Ba cũng đã khóa cửa ải của mình.

Lính hung lính lỗ xung đột

Tin Budapest 17 Aout : Theo tin chính-thức của Hung thì có 5 người lính xen-đầm Lỗ kéo vào địa giới Hung đánh lính Hung, lính Hung bắn lại, 1 người Lỗ bị chết, 2 người trốn còn 1 người bị bắt.

Tàu bay Pháp sang đánh Anh

Paris. 17-8. Nhiều đoàn tàu bay Pháp sang tham diễn bên Anh tập đánh trận giả trong 7, 8 giờ, coi ra có cái cơ tất-thắng lắm. — Theo báo L'Echo d'Indochine hiện ở bên Pháp có một hội ái-hữu thân Nhật, họ có tạp-chí ca-tụng Nhật và chính sách Viễn-đông. Hội-viên có nhiều bô-sù, như Phó Thủy-sư nguyên-sứ Lacaze và Claude Farrère, có chân vịn Hàn lâm là Achille Mestre v. v. các người đó làm một cách công-khai như thế, thế mới biết Pháp là một nước trọng tự-do của người đời, nhưng biết đả các bô-sù ấy không phải là có cái ý cảnh-cáo cho nước nhà cái nghĩa « tri bỉ tri-kỷ » đó chẳng.

Việc Trung-Nhật chiến tranh

Quân Nhật chiếm Thẩm-Xuyên

Tin Đông kinh, 17 Aout nói quân Nhật chiếm được Thẩm-xuyên nơi giáp giới Hương-cảng. -- Tin Hương-cảng cũng ngày ấy nói quân Nhật muốn áp-ức Anh bằng những sự động binh đó để sẽ cắt đường giao thông Hương-cảng Trùng-khánh, Nhật định phong-tỏa cả Hương cảng và cấm đồ lương thực trở vào Hương-cảng. Như vậy Anh với Nhật còn điều đình hòa giải với nhau sao được. Có trừ phi Anh chịu hàng Nhật đem lễ hết quyền lợi ở Tàu chịu thuộc về Nhật giám đốc Nhật họ mới nghe chăng ?

Chi Hội Phật-giáo Hải-dương

Kính bạch chư quý hội-viên chi hội

Phật-giáo Hải dương

Kỳ hội đồng Trị-sự ngày mồng hai tháng bảy ta tức 6 Aout 1939, hội đồng có cử các Ủy-viên thu tiền niên Đem Hội-viên thuộc bản chi hội, ở đâu thu đầy cho tặn, các ủy-viên thu tiền giấy biên lai có đóng dấu hội Phật-giáo

Danh sách các Ủy-viên như sau này :

Các ông Nguyễn-văn-Ngũ, Trần-văn-Chúc thu phố Đông-Kiều.

Ông Lê-việt-Thụy thu phố Đông-mỹ.

Ông Nguyễn đức Tường thu phố Đông Thuần.

Ông Trần bá Tứ thu phố Tự-lân.

Ông Nguyễn hy Ước thu phố Hàn-giang, và làng Hàn.

Ông Vũ trọng Đức thu phố Đông quan, và Đông-thị.

Ông Vũ nguyên Tải nguyên Ngự-viên ở làng Mễ-xá Đông-Triều, thu hạt Đông-Triều.

Ông Nguyễn sĩ Thứ Chánh tổng Đan-tràng thu hạt Cẩm-giang.

Ông Phạm văn Kế ở làng Chỉ chung và bà Trần thị Hợp ở làng Phạm-lâm. Toanh miện thu hạt Thanh-miền.

Ban trị sự Cần bạch

NHÀ IN ĐUỐC-TUỆ

Cùng các ngài thỉnh kinh Kim Cương. — Đến tháng mười ta sẽ tái bản, xin gửi hầu các ngài ngay.

Nguyễn-văn-Giục 9 Rue Saigon Nam-dịnh. — Thư trước của ngài chúng tôi không tiếp được.

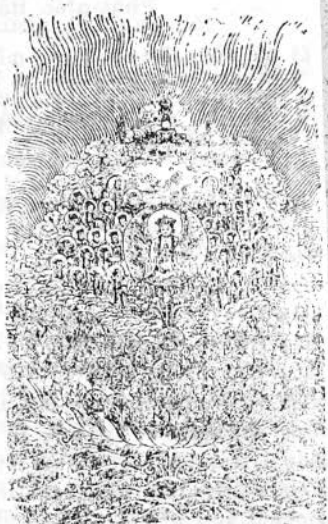
KÍNH CÁO

Gần nay vì giấy khan khó mua được cho nên Đuốc-Tuệ phải ra chậm, kính Thủy-xám cũng mãi chưa ra được, thực là phụ lòng các ngài Độc-giả, xin các Ngài thể lượng cho, rồi đây được giấy, chúng tôi xin in gấp đề đền lại. Đ. T.

KINH ĐÀ IN SONG

Ai là người mộ Phật cũng phải đọc bộ Lịch sử Phật-tổ. Vì đọc bộ này, cũng được phần lợi ích như đọc ba tạng kinh Phật, luận của Phật, mà lại có phần dễ hiểu hơn. Bởi vì diễn-lý theo với sự thực, thì chân-lý tỏ rõ ngay.

Đọc bộ Lịch sử Phật-tổ này, cũng như đang đi trong con đường tối mà có người cầm đuốc soi cao, dẫn đường đi trước, cứ ung dung mà tiến vào đường đạo, không còn lo ngại gì nữa. Đọc bộ Lịch - sử



Phật-tổ rồi đọc các kinh luận sẽ thấy dễ hiểu, vì đã nêu rõ hết phần cốt tủy trong kinh luận rồi. Giá trị bộ sách này như thế nào, nói không hết được. Xin các độc giả hãy đọc đi đã rồi ngâm nghĩ kỹ mới biết giá-trị đến như thế nào.

Sách in có hạn nhất định, số người đặt trước đi nhiều, không còn bao nhiêu nữa Ngài nào muốn thỉnh, xin thỉnh ngay, kéo lại hết không thỉnh được. Một quyển sách 280 trang, có nhiều bức ảnh đẹp giá bìa có 0\$70. Bấy hào chữ mà thông hiểu hầu hết Phật pháp thì ai mà không muốn có. Vậy xin kính cáo trước đề các ngài biết, kéo lại ân-hận như bộ Kim-cương bát-nhã giảng nghĩa mới ra hồi trước chỉ trong nửa tháng mà các ngài thỉnh không còn nữa. In một bộ sách có giá trị, phí mất nhiều công và nhiều tiền lắm, xin các ngài lượng cho. Ngài nào ở xa xin gửi cho 0\$15 cước. Tour và mandat xin gửi cho : M. Nguyễn-hữu-Kha 73 Richaud Hanoi.